

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



PHẠM THỊ LIÊN

QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TẠI
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
- VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8310110

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Mai Anh Bảo
2. PGS.TS. Chu Tiến Quang

HÀ NỘI- 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản đề án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong đề án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

TÁC GIẢ ĐỀ ÁN

Ký tên

PHẠM THỊ LIÊN

LỜI CẢM ƠN

Đề án thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế với đề tài “Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, tỉnh Thái Bình” là kết quả của quá trình cố gắng không ngừng của bản thân và được sự giúp đỡ, động viên khích lệ của các thầy cô giáo, bạn bè đồng nghiệp và người thân. Tác giả xin tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đối với PGS.TS Chu Tiến Quang và TS. Mai Anh Bảo đã trực tiếp tận tình hướng dẫn Học viên thực hiện đề án này.

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trường Đại học Kinh tế quốc dân, các thầy cô giáo Khoa Khoa học quản lý đã quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho tác giả hoàn thành Đề án ./.

Tác giả

Ký tên

Phạm Thị Liên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	vii
DANH MỤC HÌNH, HỘP	vii
TÓM TẮT ĐỀ ÁN	viii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ.....	4
1.1. Thuế thu nhập cá nhân và thu thuế thu nhập cá nhân	4
1.1.1. Thuế thu nhập cá nhân.....	4
1.1.2 Thu thuế thu nhập cá nhân.....	5
1.2. Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân.....	6
1.2.1. Khái niệm và mục tiêu quản lý thu thuế thu nhập cá nhân của chi cục thuế .	6
1.2.2. Bộ máy quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế	7
1.2.3. Nội dung quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế.....	7
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế...11	
1.3.1. Các yếu tố thuộc về chi cục thuế.	11
1.3.2. Các yếu tố thuộc về môi trường bên ngoài chi cục thuế.	13
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - VŨ THƯ GIAI ĐOẠN 2021-2023.....	15
2.1. Khái quát về Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.....	15
2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ-quyền hạn của Chi cục Thuế KV TP Thái Bình - Vũ Thư.....	15
2.1.2. Bộ máy tổ chức.....	16
2.1.3. Kết quả thu NSNN của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023	19
2.2. Thực trạng quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023.....	21
2.2.1. Bộ máy quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư.....	21

2.2.2. Lập kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình của chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư	22
2.2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư.....	23
2.2.4. Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình.	34
2.3. Đánh giá chung về quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư	35
2.3.1. Những kết quả đạt được	35
2.3.2. Một số hạn chế.....	37
2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế.....	40
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - VŨ THƯ ĐẾN NĂM 2030.....	43
3.1. Các yêu cầu mới về quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030...43	
3.1.1. Các yêu cầu của Chính phủ	43
3.1.2. Các yêu cầu của Tổng cục thuế	43
3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030	45
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện bộ máy thu thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư	45
3.2.2. Giải pháp hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân	46
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân	48
3.2.4. Giải pháp hoàn thiện kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn TP Thái Bình	50
3.3. Một số kiến nghị	51
3.3.1. Kiến nghị với Cục Thuế tỉnh Thái Bình.....	51
3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế	52
3.3.3. Kiến nghị với người nộp thuế.....	52
KẾT LUẬN	53
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	55
PHỤ LỤC 1	57
PHỤ LỤC 2	60

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Giải nghĩa
1	CCT	Chi cục Thuế
2	CNTT	Công nghệ thông tin
3	CQT	Cơ quan thuế
4	DN	Doanh nghiệp
5	ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
6	KTT	Kiểm tra thuế
7	MST	Mã số thuế
8	NNT	Người nộp thuế
9	NSNN	Ngân sách nhà nước
10	TNCN	Thu nhập cá nhân
11	TP	Thành phố

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Nhân lực của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư	18
Bảng 2.2. Thu NSNN của Chi cục thuế KV TP Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023	19
Bảng 2.3. Kết quả thu NSNN tại Chi cục thuế thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023	19
Bảng 2.4. Kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021 – 2023	22
Bảng 2.5. Kết quả thực hiện hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình-Vũ Thư	24
Bảng 2.6. Kết quả cấp MST TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021 – 2023	27
Bảng 2.7. Kết quả xử lý hồ sơ hoàn thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư	29
Bảng 2.8. Tình hình nợ thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư	30
Bảng 2.9. Tình hình xử lý hồ sơ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn thành phố Thái Bình	32
Bảng 2.10. Tình hình xử lý hồ sơ thuế thu nhập cá nhân từ các nguồn thu khác trên địa bàn thành phố Thái Bình	33

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Đánh giá của NNT về hỗ trợ NNT thực hiện nộp thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.....	26
Biểu đồ 2.2. Đánh giá công tác hoàn thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.....	29
Biểu đồ 2.3. Đánh giá công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế trên địa bàn thành phố Thái Bình tại chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư	31
Biểu đồ 2.4. Đánh giá công tác xử lý tờ khai TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư	33

DANH MỤC HÌNH, HỘP

Hình 1.1. Khung nghiên cứu sử dụng trong đề án.....	2
Hình 2.1. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư...	16
Hình 2.2. Bộ máy quản lý thu thuế TNCN tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.....	21
Hộp 2.1. Kết quả phỏng vấn chuyên sâu về kiểm soát thu thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư	35

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Đề án “Quản lý hoạt động thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình-Vũ Thư, tỉnh Thái Bình” được kết cấu thành 3 chương.

Chương 1 tác giả trình bày được cơ sở lý luận về quản lý thu thuế TNCN của chi cục thuế. Cụ thể, chương 1 đã nêu được khái niệm và nội dung về thuế TNCN và thu thuế TNCN của CCT. Đặc biệt, chương 1 đã tập trung làm rõ khái niệm, mục tiêu, bộ máy và nội dung quản lý hoạt động thu thuế TNCN của CCT. Ngoài ra, chương 1 cũng phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động thu thuế TNCN của CCT.

Chương 2 tác giả phân tích thực trạng hoạt động thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình-Vũ Thư giai đoạn 2021-2023. Bộ máy quản lý thu thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ gồm Chi cục trưởng, phó chi cục trưởng phụ trách, đội trưởng đội tuyên truyền-hỗ trợ NNT-thu khác, đội phó phụ trách về thuế TNCN, cán bộ quản lý về thuế TNCN. Số lượng nhân sự ít dẫn đến tình trạng quá tải công việc, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Chi cục Thuế đã phân tích được các căn cứ cụ thể, từ đó xác định được mục tiêu quản lý tương đối rõ ràng, hợp lý cho từng giai đoạn. Tuy nhiên khi lập kế hoạch Chi cục Thuế chưa phân tích kỹ nhu cầu thông tin cũng như đặc điểm hoạt động của từng đối tượng nộp thuế. Giai đoạn 2021-2023 ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Chi cục Thuế đã chủ động thay đổi cách thức làm việc, tận dụng các công cụ và nền tảng công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế TNCN, góp phần hỗ trợ người dân và DN trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Kiểm soát đánh giá về quản lý thu thuế TNCN luôn được ban lãnh đạo Chi cục Thuế thực hiện nghiêm túc, tuy nhiên các báo cáo tổng kết hoạt động quản lý thu thuế chưa làm rõ nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến thu thuế TNCN; chưa có những đề xuất để điều chỉnh mang tính đột phá.

Dựa trên những hạn chế nêu tại Chương 2, tác giả đã đề ra một số giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư tại Chương 3 như sau: Chương 3 đề ra các giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế TNCN, bao gồm tăng cường chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, lựa chọn phương thức thu thuế phù hợp, phân nhóm đối tượng nộp thuế và xác định chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý theo từng nhóm và loại thuế.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

a). Thuế TNCN có ý nghĩa vừa tạo nguồn thu cho NSNN, vừa làm giảm khoảng cách về thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội. Thu NSNN trên địa bàn TP đạt trên 3.200 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 30% thu nội địa của tỉnh. Trong đó, thuế TNCN chiếm 12% tổng thu NSNN hàng năm của Thành phố và góp phần tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cá nhân đối với kinh tế chung của Thành phố và đảm bảo công bằng xã hội thông qua nghĩa vụ nộp thuế.

b). Tình hình thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình của Chi cục thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư trong 03 năm qua (2021-2023) đã có nhiều tiến bộ so với các năm trước nhưng tỷ lệ thu thực tế/kế hoạch chưa cao. Năm 2023 thu thực tế thuế TNCN là 70,027 triệu đồng, đạt 89% so với kế hoạch, cho thấy thuế TNCN chưa thu được còn lớn. Việc khai báo và thực hiện nộp thuế của NNT còn nhiều sai sót, hoạt động KTT chưa hiệu quả dẫn đến tổng số thu thuế TNCN chưa phản ánh đúng khả năng thực tế.

Hạn chế trên đây trong thu thuế TNCN của Chi cục thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư có nguyên nhân cơ bản là hoạt động quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình chưa chặt chẽ và còn nhiều yếu kém cần hoàn thiện.

Với lý do trên đây, học viên lựa chọn đề tài: “*Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, tỉnh Thái Bình*” làm đề án tốt nghiệp trình độ cao học, chuyên ngành “Quản lý kinh tế” mã số: 83.10.110, nhằm đánh giá thực trạng, xác định các hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý thu thuế TNCN của Chi cục thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư trong những năm tới.

Với tư cách là cán bộ của CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư, tác giả đặt ra mục tiêu thông qua nghiên cứu đề án tốt nghiệp được đóng góp các kiến nghị xác đáng, có thể áp dụng vào thực tiễn nhằm giúp CCT hoàn thiện hoạt động quản lý thu thuế TNCN, tăng tỷ lệ thu hồi thuế và góp làm tăng nguồn thu cho NSNN khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư trong những năm tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

a). Luận giải, làm rõ thêm cơ sở lý luận về quản lý thu thuế TNCN.

b). Phân tích thực trạng quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn từ năm 2021 đến 2023, chỉ rõ các ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

c). Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

3.2. Phạm vi nghiên cứu

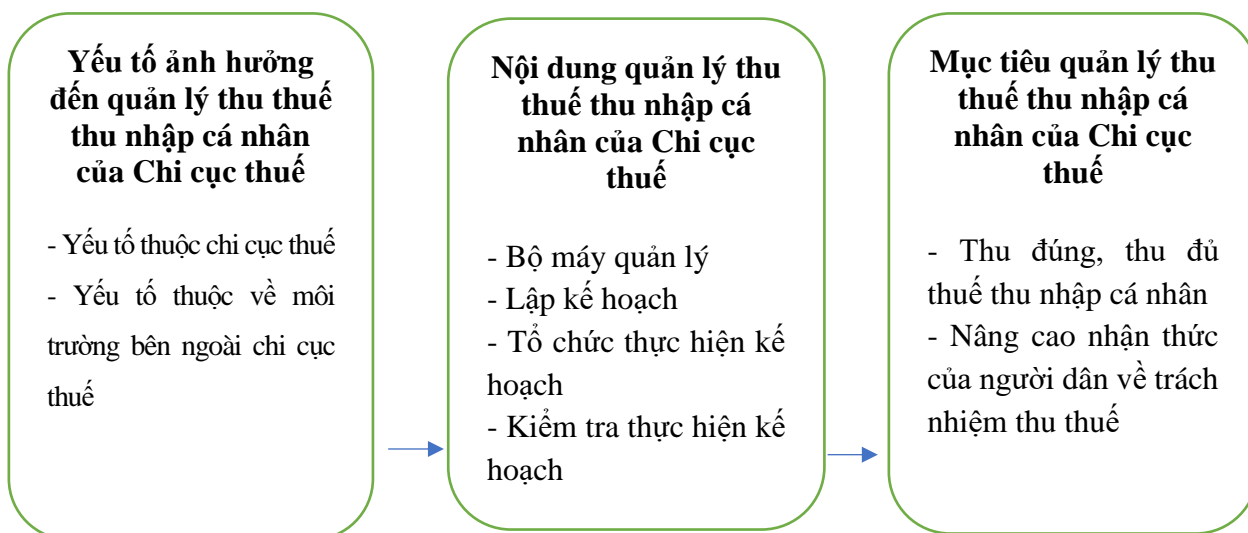
- Phạm vi nội dung: Gồm 04 nội dung của quản lý thu thuế TNCN: Thành lập bộ máy quản lý thu thuế TNCN; Lập kế hoạch thu thuế TNCN; Thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN; Kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN.

- Phạm vi không gian : Tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu trong giai đoạn 2021-2023; Đề xuất những giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế TNCN tại Chi cục thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Khung nghiên cứu



Hình 1.1. Khung nghiên cứu sử dụng trong đề án

Nguồn: Tác giả xây dựng

4.2. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Bước 1: Xây dựng khung nghiên cứu về quản lý thu thuế TNCN thông qua việc đọc và tổng hợp các tài liệu lý thuyết, công trình nghiên cứu và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng ở bước này là phương pháp tổng hợp và mô hình hóa..

Bước 2: Thu thập dữ liệu thứ cấp về kết quả thu thuế TNCN giai đoạn 2021-2023 từ các báo cáo của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.

Bước 3: Thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua phỏng vấn sâu các cán bộ trong bộ máy quản lý thu thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư và điều tra khảo sát 100 NNT đến làm việc tại Chi cục Thuế. Mẫu câu hỏi phỏng vấn sâu được thể hiện ở phụ lục 01. Danh sách người tham gia phỏng vấn và thời điểm phỏng vấn được trình bày ở phụ lục 02. Mẫu phiếu khảo sát được thể hiện ở phụ lục 03. Việc điều tra khảo sát được tác giả tiến hành vào tháng 6 năm 2024 bằng cách phát phiếu trực tiếp cho những người đến làm việc tại Chi cục Thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư.

Bước 4: Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được, tiến hành phân tích thực trạng quản lý thu thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư, từ đó đánh giá những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác này. Phương pháp được sử dụng ở bước này là phương pháp thống kê, phân tích, so sánh và tổng hợp.

Bước 5: Dựa trên những hạn chế và nguyên nhân đã phát hiện ở bước 4, tiến hành đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý thu thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư cho giai đoạn đến năm 2030.

5. Kết cấu đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề án được kết cấu thành 3 chương như sau :

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý thu thuế TNCN tại Chi cục thuế

Chương 2: Thực trạng quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021 -2023.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNCN tại chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến 2030.

CHƯƠNG 1.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ

1.1. Thuế thu nhập cá nhân và thu thuế thu nhập cá nhân

1.1.1. Thuế thu nhập cá nhân

1.1.1.1. Khái niệm về thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN là một loại thuế điều tiết một phần thu nhập của cá nhân, theo đó mỗi cá nhân khi có thu nhập đều phải đóng góp 1 phần thu nhập đó vào NSNN. Thuế TNCN thường được áp dụng dựa trên TNCN của NNT, tỷ lệ nộp thuế TNCN có thể biến đổi tùy theo mức thu nhập. Cùng với các loại thuế khác, thuế TNCN đóng vai trò quan trọng trong phát triển .

Bộ Tài chính (2013) “Thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động được xác định là khoản thu nhập chịu thuế TNCN”

Có nhiều quan điểm về thuế TNCN như “Thuế đánh theo mức thu nhập thực nhận của các cá nhân trong năm, tháng hoặc theo lần”; hay “Thuế TNCN là thuế đánh vào phần thu nhập của người dân và căn cứ vào nhiều yếu tố như chế độ an sinh xã hội, khả năng thu nhập và mức sống dân cư”. Trong thực tế, thuế TNCN được thực hiện đối với những người có thu nhập cao. Để xác định người có thu nhập cao, Nhà nước xác định mức TNCN chuẩn định. Trên cơ sở đó những người có TNCN thấp hơn TNCN chuẩn sẽ không phải nộp thuế TNCN, những người có thu nhập cao hơn mức TNCN chuẩn sẽ phải nộp thuế TNCN. Việc thu thuế TNCN chỉ đối với những cá nhân có thu nhập cao có ý nghĩa tạo sự công bằng về thu nhập trong xã hội và tạo nguồn thu ngày càng tăng cho NSNN nhờ số người có thu nhập cao ngày càng tăng lên theo sự phát triển của nền kinh tế.

Từ các phân tích trên, tác giả đưa ra định nghĩa: “Thuế TNCN là khoản tiền mà các cá nhân phải nộp vào NSNN khi thu nhập thực nhận của cá nhân đó đáp ứng điều kiện nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN”.

1.1.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN có những đặc điểm quan trọng ảnh hưởng đến quản lý thu thuế như sau:

Thứ nhất, thuế TNCN là loại thuế trực thu, trong đó nhà nước thu trực tiếp một phần thu nhập của NNT để bổ sung vào ngân sách. Điều này có nghĩa là NNT không thể chuyên nhượng nghĩa vụ thuế của mình cho người khác.

Thứ hai, việc đánh thuế TNCN thường dựa trên nguyên tắc thuế suất lũy tiến từng phần. Điều này có nghĩa là các mức thuế sẽ tăng dần tùy thuộc vào mức thu nhập của NNT. Cụ thể, những người có thu nhập cao hơn sẽ phải chịu thuế suất cao hơn.

Thứ ba, thuế TNCN chỉ áp dụng cho người có thu nhập là cá nhân, không áp dụng cho tổ chức và mức thuế thì phụ thuộc vào thu nhập của từng cá nhân.

Thứ tư, thuế TNCN có tính toàn diện, bao gồm nhiều loại thu nhập không chỉ thu nhập từ lương mà còn bao gồm thu nhập từ kinh doanh, đầu tư, cho thuê tài sản,... Mọi nguồn thu nhập đều phải chịu thuế.

Thứ năm, thuế TNCN có tính linh hoạt. Luật thuế TNCN được điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội. Có nhiều mức thuế suất và chính sách ưu đãi khác nhau để phù hợp với từng ĐTNT.

1.1.1.3. Các khoản thu nhập chịu thuế TNCN, thu nhập được miễn thuế TNCN và thu nhập được giảm trừ thuế TNCN

Thu nhập chịu thuế TNCN: thu nhập từ tiền lương, tiền công lao động; thu nhập từ lợi nhuận kinh doanh, đầu tư, chuyển đổi quyền sở hữu tài sản; và thu nhập từ các nguồn khác như trúng thưởng, phần thưởng, thừa kế, quà tặng, học bổng, từ thiện, bồi thường tổn thất...

Thu nhập được miễn thuế TNCN: là những khoản thu nhập mà cá nhân không phải nộp thuế TNCN. Việc xác định rõ các khoản thu nhập này rất quan trọng để đảm bảo NNT thực hiện đúng nghĩa vụ và không bị tính thừa thuế.

Thu nhập được giảm trừ thuế TNCN: là một hình thức mà nhà nước cho phép NNT được trừ một phần thu nhập trước khi tính thuế. Điều này giúp giảm gánh nặng thuế cho người dân, đặc biệt là những người có thu nhập thấp hoặc có nhiều người phụ thuộc.

1.1.2 Thu thuế thu nhập cá nhân

Thu thuế TNCN là hoạt động mà cơ quan thuế thực hiện để thu lại số tiền thuế thu nhập cá nhân mà các cá nhân đã kê khai và phải nộp.

Thu thuế TNCN nhấn mạnh về hành động thu thuế, tức là việc nhà nước thu lại một phần thu nhập của cá nhân để phục vụ cho các mục tiêu chung của xã hội.

Khi nói đến thu thuế TNCN, chúng ta đang đề cập đến toàn bộ quá trình liên quan đến việc thu thuế này, bao gồm:

- Quy định của pháp luật: Nhà nước ban hành các luật, nghị định quy định ĐTNT, mức thuế suất, cách tính thuế, thời hạn nộp thuế,...

- kê khai thuế: Cá nhân có nghĩa vụ kê khai thu nhập và tính toán số thuế phải nộp.
- Nộp thuế: Cá nhân nộp số thuế đã tính vào NSNN.
- Kiểm tra và xử lý: Cơ quan thuế tiến hành kiểm tra hồ sơ kê khai, thu hồi số thuế thiếu hoặc xử lý các vi phạm.

1.2. Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân.

1.2.1. Khái niệm và mục tiêu quản lý thu thuế thu nhập cá nhân của chi cục thuế

1.2.1.1. Khái niệm quản lý thu thuế thu nhập cá nhân của chi cục thuế

C.Mác đã coi “*Quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động*”. Ông viết: “Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng đều cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ cơ thể sản xuất khác với sự vận động của những khí quan độc lập của nó. Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng”.

Theo Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà và Đỗ Thị Hải Hà (2012) cho rằng “*Quản lý là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát các nguồn lực và hoạt động của hệ thống xã hội nhằm đạt được mục đích của hệ thống với hiệu lực và hiệu quả cao một cách bền vững trong điều kiện môi trường luôn biến động*”.

Trần Công Thành (2018) cho rằng: “*Quản lý thu thuế TNCN là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước đối với NNT bằng việc tính và thu thuế TNCN nhằm tạo nguồn thu cho Ngân sách và đạt được các mục tiêu nhà nước đặt ra*”.

Từ các khái niệm trên có thể định nghĩa “*Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân là quá trình tính và thu tiền nộp thuế TNCN của cơ quan thuế nhà nước đối với các đối tượng là cá nhân có thu nhập phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN*”

1.2.1.2. Mục tiêu quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại các chi cục thuế

Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân nhằm đảm bảo các mục tiêu sau:

- Mục tiêu của quản lý thu thuế TNCN hướng tới việc đảm bảo thu đúng, thu đủ số thuế vào NSNN. Qua đó góp phần tăng cường nguồn lực tài chính, hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức của NNT về chính sách thuế cũng là một mục tiêu quan trọng, nhằm tạo điều

kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý thuế và đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Một trong những mục tiêu quan trọng khác của quản lý thu thuế TNCN là nâng cao nhận thức của người dân về chính sách thuế. Khi người dân hiểu rõ về các quy định thuế, họ sẽ tự giác chấp hành pháp luật, hạn chế tình trạng trốn thuế, gian lận về thuế. Điều này không chỉ đảm bảo công bằng xã hội mà còn tạo lập một môi trường kinh doanh lành mạnh, khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho NNT, hoạt động quản lý thu thuế TNCN tại các CCT luôn hướng tới việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ thuế trực tuyến, và hỗ trợ người dân trong việc khai báo và nộp thuế. Việc tạo ra một môi trường thuế thuận lợi không chỉ giúp người dân tiết kiệm về thời gian và công sức, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý thuế, tạo niềm tin của người dân đối với cơ quan thuế

1.2.2. Bộ máy quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế

Bộ máy quản lý thuế TNCN tại CCT là một hệ thống các cá nhân và đơn vị làm việc có tổ chức, được phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện hoạt động quản lý, thu thuế TNCN trên địa bàn quản lý của chi cục.

- Lãnh đạo chi cục: Có trách nhiệm chỉ đạo chung hoạt động quản lý thuế, bao gồm cả thuế TNCN.

- Cán bộ, nhân viên quản lý thuế gồm:

+ Cán bộ, nhân viên KTT: Thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu hồ sơ khai thuế, phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật thuế.

+ Cán bộ, nhân viên thu hồi nợ thuế: Thực hiện công tác thu hồi các khoản nợ thuế phát sinh.

+ Cán bộ, nhân viên hướng dẫn nộp thuế: Hỗ trợ, hướng dẫn NNT thực hiện các thủ tục kê khai, nộp thuế.

+ Cán bộ xử lý hồ sơ: Tiếp nhận, xử lý các hồ sơ liên quan đến thuế TNCN.

1.2.3. Nội dung quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế

1.2.3.1. Lập kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tại chi cục thuế

CCT thường lập kế hoạch thu thuế TNCN. Nội dung của kế hoạch thu thuế TNCN bao gồm mục tiêu và các phương án thu thuế TNCN. Để lập kế hoạch thu thuế TNCN, CCT thường tiến hành các bước sau:

- Phân tích các căn cứ lập kế hoạch thu thuế TNCN.

+ Các quy định của pháp luật, chính sách thuế hiện hành và sắp có hiệu lực: Luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về pháp luật, chính sách thuế để kịp thời điều chỉnh nội dung thu thuế TNCN.

+ Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác thu thuế. CCT sẽ tiến hành phân tích cơ cấu kinh tế, thu nhập của người dân, tình hình việc làm và môi trường đầu tư để xác định những ĐTNT chính và các nguồn thu tiềm năng.

+ Kế hoạch thu thuế TNCN của ngành thuế: Nghiên cứu kỹ kế hoạch thu thuế của ngành thuế để nắm bắt định hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ trọng tâm. Phân tích các hoạt động đã triển khai để từ đó đánh giá ưu nhược điểm của quản lý thu thuế TNCN trước và rút ra bài học kinh nghiệm.

+ Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cục thuế: Tuân thủ nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành thuế, cục thuế về quản lý thu thuế TNCN. Sử dụng các tài liệu, mẫu biểu, hướng dẫn được cung cấp để xây dựng kế hoạch và thực hiện tổ chức quản lý TNCN.

+ Kết quả thực hiện kế hoạch thu ngân sách của năm trước cần được phân tích kỹ lưỡng để điều chỉnh kế hoạch cho năm hiện tại. Việc đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch và số thu thuế TNCN sẽ giúp xác định các lĩnh vực đạt hoặc không đạt chỉ tiêu, từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục phù hợp. Cũng cần xem xét các vấn đề phát sinh như khó khăn trong công tác thu thuế và sự thay đổi chính sách để thực hiện những điều chỉnh cần thiết, cải tiến quy trình thu thuế và phát triển các chiến lược hiệu quả. Điều này sẽ giúp đảm bảo kế hoạch thu thuế cho năm mới được xây dựng chính xác và triển khai hiệu quả, góp phần chống thất thu ngân sách và nâng cao tính công bằng trong hệ thống thuế.

+ Số lượng, cơ cấu và đặc điểm của NNT trên địa bàn quản lý: Cần nhận diện rõ các đối tượng cần quản lý và các chính sách thuế áp dụng cho từng đối tượng.

+ Các nguồn lực mà CCT có thể huy động: Khi xây dựng kế hoạch thu thuế TNCN, CCT cần tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để đảm bảo quản lý.

Nguồn lực con người: đó là cán bộ chuyên môn phụ trách thu thuế TNCN (công chức có kinh nghiệm về thuế TNCN, có khả năng giải đáp thắc mắc của NNT);

Nguồn lực tài chính: Ngân sách được phân bổ để triển khai hoạt động quản lý thu thuế TNCN.

Nguồn lực vật chất: Trang thiết bị đầy đủ phục vụ quản lý thu thuế TNCN (máy tính, bàn làm việc...)

+ Khả năng làm việc với các đơn vị có liên quan: Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan để tăng cường hơn nữa quản lý thu thuế TNCN, tránh thất thu NSNN.

- Xác định mục tiêu thu thuế TNCN

Dựa trên phân tích các dữ liệu nêu trên, CCT sẽ xác định các mục tiêu thu thuế TNCN. Mục tiêu hàng đầu là đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu ngân sách hàng năm và ngăn chặn tình trạng thất thu NSNN. Bên cạnh đó, việc tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của các hộ kinh doanh cũng rất quan trọng. Mục tiêu này được cụ thể hóa thông qua các chỉ tiêu kế hoạch thu thuế TNCN

1.2.3.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế

- Tuyên truyền, hỗ trợ NNT

Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo để phổ biến kiến thức về pháp luật thuế cho NNT, đặc biệt là các quy định về thuế TNCN.

Tận dụng các kênh thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình, mạng xã hội để tuyên truyền về chính sách thuế.

Cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho NNT, chẳng hạn như tư vấn qua điện thoại và hỗ trợ tại các điểm giao dịch.

- Đăng ký mã số thuế

Đăng ký MST cá nhân là thủ tục bắt buộc đối với mọi cá nhân có hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ tại Việt Nam. Mã số thuế đóng vai trò như một "căn cước công dân" của DN, giúp nhà nước quản lý thuế hiệu quả và cá nhân thực hiện nghĩa vụ thuế một cách minh bạch.

- Tiếp nhận hồ sơ kê khai và nộp thuế

Kê khai thuế thu nhập cá nhân là một nghĩa vụ pháp lý mà mọi công dân Việt Nam có thu nhập đều phải thực hiện. Việc kê khai chính xác để nộp đủ số thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN là trách nhiệm của mỗi cá nhân. Vì vậy, trong kê khai thuế, NNT cần khai báo đầy đủ và chính xác các khoản thu nhập chịu nộp thuế phát sinh trong năm. Theo điều 2 của Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, các khoản thu nhập này bao gồm từ kinh doanh; tiền lương, tiền công; đầu tư vốn; chuyển nhượng vốn; chuyển nhượng bất động sản; trúng thưởng; bản quyền; nhượng quyền thương mại; nhận

thừa kế và nhận quà tặng. Bên cạnh việc khai báo thu nhập, NNT cũng cần khai báo các khoản được phép khấu trừ như giảm trừ gia cảnh cho bản thân, vợ/chồng và người phụ thuộc, chi phí đi lại, chi phí học tập, chi phí khám chữa bệnh... Việc khai báo chính xác các khoản khấu trừ sẽ giúp giảm thiểu số thuế phải nộp.

Hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân là tập hợp các giấy tờ cần thiết để chứng minh thu nhập, các khoản được khấu trừ và các thông tin cá nhân liên quan đến việc tính toán và nộp thuế. Nội dung cụ thể của hồ sơ có thể thay đổi tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể, thường bao gồm các loại giấy tờ sau: tờ khai thuế, giấy tờ chứng minh thu nhập, giấy tờ chứng minh các khoản được khấu trừ, giấy tờ tùy thân, mẫu biểu có liên quan.

Nơi nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân thường là cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi NNT cư trú hoặc thông qua tổ chức chi trả thu nhập. Tuy nhiên, tùy thuộc vào quy định của từng địa phương mà địa điểm nộp hồ sơ có thể khác nhau.

+ Đối với cá nhân hưởng lương tháng và các khoản thu nhập khác phải nộp thuế thực hiện nộp thuế TNCN theo 2 cách sau:

* Tổ chức trả lương và thu nhập khác tập hợp hồ sơ khai thuế của người được trả lương và thu nhập, cử nhân viên đại diện nộp tập trung tại cơ quan thuế, hoặc tổ chức chi trả sẽ tiến hành khấu trừ phần thuế phải nộp ra khỏi thu nhập của NNT để tổng hợp số thuế TNCN của tất cả NNT rồi nộp vào NSNN.

* Nếu NNT tự quyết toán thuế, NNT có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan thuế nơi NNT cư trú.

+ Đối với cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh: NNT sẽ nộp hồ sơ tại cơ quan thuế nơi đăng ký kinh doanh.

+ Đối với cá nhân có nhiều nguồn thu nhập: Thông thường, NNT sẽ nộp hồ sơ tại nơi có nguồn thu nhập chính.

- *Xử lý tờ khai:* là một quá trình quan trọng đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong việc thu thuế. Cán bộ thuế đóng vai trò trung tâm trong quá trình này, thực hiện nhiều công việc khác nhau để hoàn tất việc kiểm tra và đánh giá tờ khai thuế

Quy trình xử lý tờ khai thuế TNCN tại CCT trải qua nhiều bước, từ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thông tin, tính toán thuế phải nộp đến thông báo kết quả. Mỗi bước đều đòi hỏi sự cẩn trọng và chính xác từ phía cán bộ thuế. Nhờ vào sự phối hợp nhịp nhàng giữa con người và công nghệ, quá trình này ngày càng được rút gọn, tăng cường tính minh bạch và hạn chế tối đa sai sót.

Quyết toán thuế TNCN là một thủ tục quan trọng giúp NNT đối chiếu số thuế đã nộp với số thuế thực tế phải nộp. Nếu số thuế đã nộp vượt quá số thuế phải nộp, NNT sẽ được hoàn lại số tiền chênh lệch. Việc quyết toán thuế không chỉ đảm bảo tính công bằng trong việc đóng góp cho NSNN mà còn giúp người dân tiết kiệm được khoản chi phí

Quy trình quyết toán thuế TNCN khá đơn giản, NNT chỉ cần chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ cần thiết, khai báo thông tin chính xác trên tờ khai quyết toán và nộp hồ sơ tại cơ quan thuế. Sau khi cơ quan thuế kiểm tra và xác minh thông tin, nếu có số thuế phải hoàn lại, NNT sẽ được nhận lại số tiền đó

Khi tiến hành quyết toán thuế, NNT cần lưu ý đến thời hạn nộp hồ sơ để tránh bị phạt. Bên cạnh đó, việc chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ chứng minh là rất quan trọng. Nếu có bất kỳ thắc mắc nào, NNT nên liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế để được hướng dẫn.

1.2.3.3. Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch thu thuế

- *Chủ thể kiểm soát:* Phòng kiểm tra nội bộ Cục thuế tỉnh và Ban lãnh đạo CCT.
- *Hình thức kiểm soát:* Thường xuyên, định kỳ.
- *Công cụ kiểm soát:* Công chức thực hiện nghiên cứu các văn bản pháp luật, các chính sách thuế hiện hành đối với thuế TNCN và kiểm soát các tờ khai do cá nhân/tổ chức nộp cho CCT.
- *Quy trình kiểm soát:*
 - + Thu thập thông tin phản hồi về kết quả hoạt động của quản lý thu thuế TNCN qua các báo cáo, điều tra khảo sát NNT
 - + So sánh kết quả đạt được với số liệu cùng kỳ, phân tích những đánh giá ưu điểm, hạn chế trong việc thực hiện các phương thức thu thuế TNCN, chỉ ra những nguyên nhân gây ra hạn chế
 - + Đề xuất phương án thực hiện cho những giai đoạn sau.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế

1.3.1. Các yếu tố thuộc về chi cục thuế.

1.3.1.1. Năng lực và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thu thuế:

Năng lực và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thu thuế đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý thu thuế TNCN. Trước hết, năng lực chuyên môn của cán bộ quyết định đến hiệu quả thực thi các quy định pháp luật. Những cán bộ có kiến thức

vững chắc và kỹ năng tốt sẽ áp dụng các chính sách thuế một cách chính xác, từ đó giảm thiểu sai sót và tranh chấp với NNT.

Bên cạnh năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức cũng là yếu tố then chốt. Đội ngũ cán bộ thu thuế cần có sự trung thực, minh bạch và trách nhiệm trong công việc. Những phẩm chất này không chỉ giúp xây dựng lòng tin từ phía NNT mà còn tạo ra môi trường công bằng trong việc thu thuế. Khi cán bộ hành xử một cách công bằng, NNT sẽ cảm thấy yên tâm hơn và có xu hướng tuân thủ các quy định thuế một cách tự nguyện.

Cuối cùng, sự phối hợp giữa năng lực và phẩm chất đạo đức sẽ tạo ra một hệ thống quản lý thu thuế hiệu quả hơn. Khi đội ngũ cán bộ vừa có chuyên môn cao, vừa có đạo đức nghề nghiệp, họ sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, từ đó nâng cao tỷ lệ thu thuế và góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững.

Ngoài ra các yếu tố về số lượng, cơ cấu và sức khỏe của đội ngũ cán bộ tham gia bộ máy quản lý thu thuế TNCN cũng ảnh hưởng tới kết quả quản lý thu thuế TNCN. Trong đó, sức khỏe là cơ sở nền tảng để phát triển trí tuệ, là phương tiện để truyền tải tri thức, trí tuệ của con người vào hoạt động thực tiễn. Tất cả cán bộ công chức đều phải có sức khỏe, dù làm công việc gì, ở đâu. Sức khỏe là trạng thái thoải mái về thể chất, tinh thần và xã hội, là tổng hòa nhiều yếu tố tạo nên chứ không chỉ không có bệnh tật hay thương tật. Hiện nay, Bộ Y tế quy định ba trạng thái sức khỏe của người lao động nói chung và công chức nói riêng: loại A là loại có thể lực tốt, loại B là trung bình, loại C là yếu. Sức khỏe là nền tảng quan trọng cho mọi hoạt động, trong đó có hoạt động quản lý thu thuế TNCN. Cán bộ tham gia bộ máy quản lý thu thuế TNCN phải đảm bảo sức khỏe mới có thể duy trì việc thực hiện công việc liên tục với áp lực cao.

Cơ cấu bao gồm cơ cấu về độ tuổi và giới tính. Cán bộ tham gia hệ thống quản lý thu thuế TNCN cần đảm bảo độ tuổi và giới tính đáp ứng yêu cầu về chức danh, vị trí công việc theo quy định ngành thuế để có thể đảm bảo hoàn thành công việc được giao một cách tốt nhất. Cùng với đó, số lượng cán bộ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng thực hiện công việc. Khối lượng công việc ngành thuế nói chung và việc quản lý thu thuế TNCN rất lớn, do đó đòi hỏi bộ máy thu thuế phải có đủ số lượng cán bộ phục vụ trong các khâu, các quy trình của việc quản lý thu thuế.

1.3.1.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng của ngành thuế:

Hệ thống cơ sở hạ tầng của ngành thuế có ảnh hưởng lớn đến quản lý thu thuế TNCN. Trước hết, một hệ thống CNTT hiện đại và hiệu quả giúp tối ưu hóa quy trình thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thuế. Khi có thông tin chính xác và kịp thời về NNT,

cơ quan thuế có thể quản lý và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế một cách chặt chẽ hơn, từ đó nâng cao hiệu quả thu thuế.

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng cũng liên quan đến khả năng tiếp cận và phục vụ NNT. Một hệ thống giao dịch trực tuyến thuận tiện sẽ tạo điều kiện cho NNT thực hiện nghĩa vụ của mình dễ dàng hơn. Khi người dân có thể kê khai và nộp thuế trực tuyến, tỷ lệ tuân thủ sẽ tăng lên, góp phần vào việc cải thiện nguồn thu cho NSNN.

Cuối cùng, cơ sở hạ tầng cũng ảnh hưởng đến việc đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ CBT. Một môi trường làm việc được trang bị đầy đủ công nghệ và thông tin sẽ hỗ trợ cán bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó nâng cao chất lượng quản lý thu thuế TNCN. Như vậy, một hệ thống cơ sở hạ tầng vững mạnh không chỉ giúp cải thiện quy trình thu thuế mà còn góp phần xây dựng lòng tin từ phía NNT.

1.3.1.3. Quy trình làm việc và chính sách chế độ

Các quy trình làm việc rõ ràng, minh bạch, được chuẩn hóa sẽ giúp giảm thiểu rủi ro sai sót, tăng cường sự minh bạch trong hoạt động quản lý thuế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình làm việc sẽ giúp tiết kiệm thời gian xử lý hồ sơ, tối ưu hóa hiệu quả công việc.

Chính sách đãi ngộ, chế độ khuyến khích đối với cán bộ, công chức làm việc trong ngành thuế có vai trò quan trọng trong việc thu hút và giữ chân nhân tài, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức.

1.3.2. Các yếu tố thuộc về môi trường bên ngoài chi cục thuế.

1.3.2.1. Yếu tố thuộc về người nộp thuế thu nhập cá nhân

Trước hết, ý thức và kiến thức về nghĩa vụ thuế của NNT đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện các quy định thuế. Những NNT có nhận thức tốt về trách nhiệm của mình sẽ có xu hướng tuân thủ nghĩa vụ thuế một cách đầy đủ và chính xác. Điều này không chỉ giúp tăng nguồn thu cho NSNN mà còn giảm thiểu các tranh chấp phát sinh giữa CQT và NNT.

Bên cạnh đó, tình hình tài chính và thu nhập của NNT cũng ảnh hưởng đến việc quản lý thu thuế TNCN. Những cá nhân có thu nhập ổn định và cao thường dễ dàng trong việc kê khai và nộp thuế. Ngược lại, những người có thu nhập thấp hoặc không ổn định có thể gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, dẫn đến tỷ lệ tuân thủ thấp hơn. Do đó, CQT cần có chính sách linh hoạt và hỗ trợ để giúp NNT hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Cuối cùng, tính minh bạch và sự công khai thông tin về nghĩa vụ thuế cũng ảnh hưởng đến hành vi của NNT. Khi thông tin về quy định thuế, các khoản miễn giảm, và quyền lợi của NNT được công khai rõ ràng, người dân sẽ cảm thấy yên tâm và có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Như vậy, việc nâng cao ý thức, hỗ trợ NNT, và đảm bảo tính minh bạch là những yếu tố quan trọng trong quản lý thu thuế TNCN.

1.3.2.2. Yếu tố thuộc về pháp luật, và các chính sách thuế thu nhập cá nhân

Trước tiên, sự rõ ràng và minh bạch của các quy định pháp luật là điều kiện tiên quyết để NNT hiểu và thực hiện nghĩa vụ của mình. Khi các quy định được xây dựng một cách cụ thể và nhất quán, NNT sẽ dễ dàng hơn trong việc kê khai và nộp thuế, từ đó giảm thiểu sai sót và tranh chấp phát sinh.

Thêm vào đó, các chính sách thuế công bằng và linh hoạt cũng góp phần không nhỏ trong việc nâng cao ý thức chấp hành của NNT. Những chính sách hợp lý, như các khoản miễn giảm cho những đối tượng có thu nhập thấp, không chỉ giúp khuyến khích NNT mà còn tạo ra một môi trường thuế công bằng hơn. Khi NNT cảm thấy rằng họ được đối xử công bằng và có lợi, họ sẽ có xu hướng tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thuế.

Cuối cùng, việc thường xuyên xem xét và cập nhật các quy định và chính sách thuế là rất cần thiết. Với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động và các hình thức thu nhập, hệ thống pháp luật thuế cần linh hoạt để theo kịp tình hình thực tế. Sự điều chỉnh kịp thời không chỉ giúp cải thiện hiệu quả quản lý thu thuế mà còn đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong việc thu ngân sách. Tóm lại, pháp luật và chính sách thuế là những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế TNCN.

CHƯƠNG 2.

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - VŨ THUR GIAI ĐOẠN 2021-2023

2.1. Khái quát về Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư.

Ngày 13/4/2018, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành QĐ số 520/QĐ-BTC phê duyệt Kế hoạch triển khai, sắp xếp, sáp nhập CCT các quận, huyện, thị xã, thành phố thành CCT khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố. Theo đó, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư được thành lập theo QĐ số 77/QĐ-BTC ngày 16/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở hợp nhất CCT TP về Thái Bình và Chi cục Thuế huyện Vũ Thư, thành CCT khu vực TP Thái Bình-huyện Vũ Thư.

2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ-quyền hạn của Chi cục Thuế KV TP Thái Bình - Vũ Thư

Theo Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Tài Chính về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các CCT, Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư thuộc Cục Thuế tỉnh Thái Bình, có các chức năng và nhiệm vụ như sau:

CCT khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư là tổ chức trực thuộc Cục Thuế tỉnh Thái Bình, có chức năng tổ chức thực hiện hoạt động quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của NSNN (sau đây gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của cơ quan thuế quản lý thu trên địa bàn theo quy định của pháp luật. “Chi cục Thuế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các quy định pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ”, quyền hạn cụ thể sau đây:

- CCT thực hiện kế hoạch thu thuế hàng năm, tiến hành các thủ tục như đăng ký, khai thuế, tính thuế và thông báo thuế. Đồng thời, chi cục cũng có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn NNT về các chính sách thuế của Nhà nước, giúp họ hiểu và thực hiện nghĩa vụ thuế đúng quy định.

- Chi cục có quyền kiểm tra và thanh tra việc chấp hành các quy định thuế, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý thuế. Ngoài ra, chi cục cũng có thể đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về thuế và quyết định các biện pháp xử lý nợ thuế, như miễn giảm hoặc xóa nợ theo quy định.

- Quản lý và xây dựng dữ liệu thông tin về NNT trên địa bàn;

- Tổ chức các biện pháp nghiệp vụ quản lý rủi ro trong hoạt động quản lý thuế;

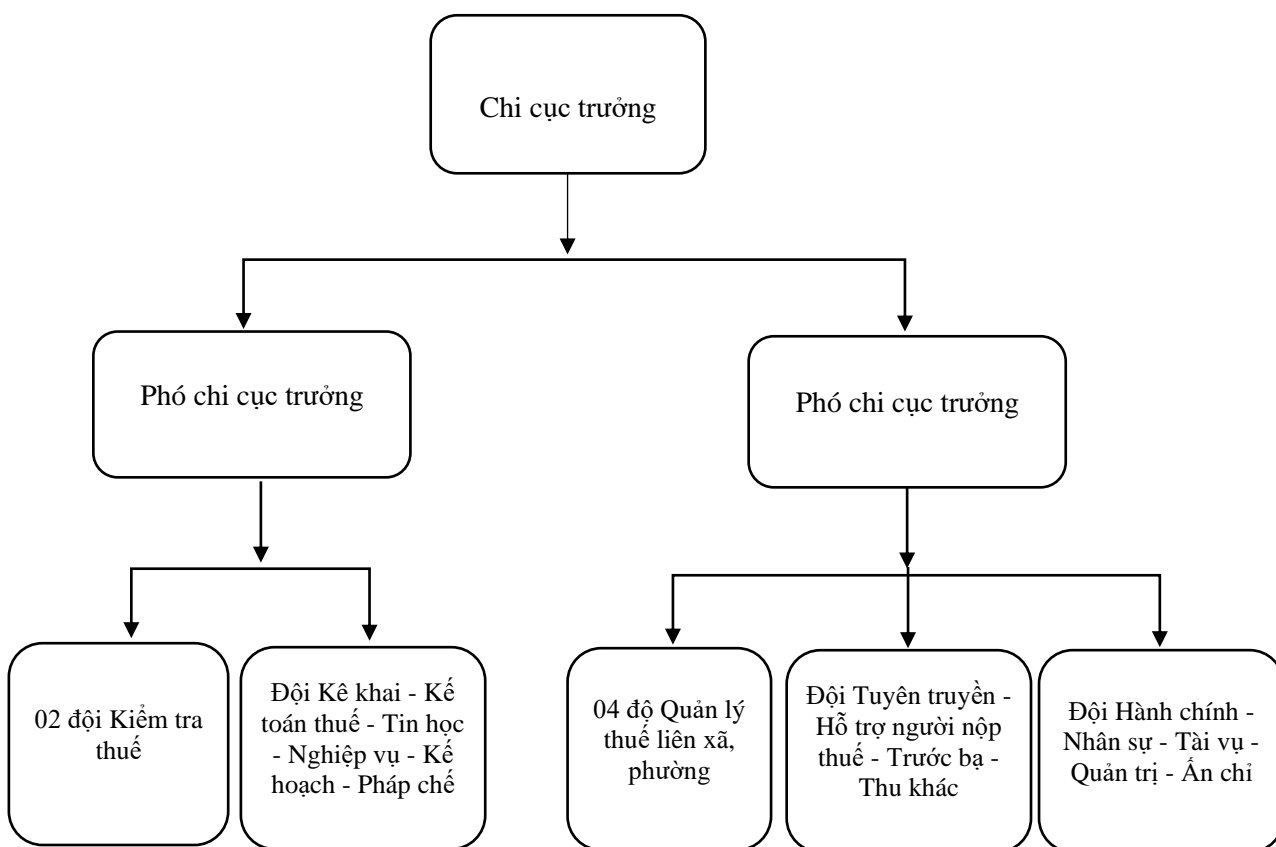
- Kiểm tra giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, khấu trừ thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với NNT và tổ chức cá nhân được ủy quyền thu thuế theo phân cấp của Chi cục trưởng CCT;

- Tổ chức thực hiện thống kê, quản lý thuế, quản lý biên lai, ấn chỉ thuế; lập báo cáo về tình hình kết quả thu thuế và báo cáo khác phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên, của UBND đồng cấp và các cơ quan có liên quan; tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác của CCT;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Cục trưởng Cục Thuế.

2.1.2. Bộ máy tổ chức

Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là cơ quan Trung ương đóng tại địa phương về mặt chuyên môn nghiệp vụ chịu sự quản lý trực tiếp của Cục Thuế tỉnh Thái Bình và có cơ cấu tổ chức như sau:



Hình 2.1. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư

Nguồn: Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

Cơ cấu tổ chức của CCT khu vực TP Thái Bình-Vũ Thư gồm có:

- Ban lãnh đạo chi cục: Chi cục trưởng, 02 Phó chi cục trưởng.

- 09 đội thuế, trong đó: 02 đội KTT, 04 đội Quản lý thuế liên xã phường, Đội KK-KTT-TH-NV-DT-PC; Đội TT-HTNNT-TB-TK; Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ. Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-TCT ngày 25/3/2019 của Tổng cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuộc CCT như sau:

+ Đội Kiểm tra thuế có nhiệm vụ hỗ trợ Chi cục trưởng trong kiểm tra và giám sát kê khai thuế, giải quyết các tố cáo liên quan đến NNT, và thực hiện kế hoạch thu thuế tại TP Thái Bình và huyện Vũ Thư.

+ Đội Kê khai - Kế toán thuế - Tin học - Nghiệp vụ - Kế hoạch - Pháp chế hỗ trợ Chi cục trưởng trong đăng ký và quản lý kê khai thuế, xử lý hồ sơ hoàn thuế (trừ hoàn thuế TNCN và các khoản thu từ đất). Họ cũng quản lý hệ thống CNTT, triển khai phần mềm hỗ trợ quản lý thuế và cung cấp dịch vụ cho NNT. Ngoài ra, đội còn hướng dẫn nghiệp vụ và chính sách thuế cho công chức, thực hiện nhiệm vụ pháp chế và xây dựng kế hoạch thu NSNN tại địa bàn.

+ Đội Quản lý thuế liên xã phường hỗ trợ Chi cục trưởng trong việc quản lý thu thuế đối với các tổ chức và cá nhân nộp thuế tại các xã, phường được phân công. Nhiệm vụ bao gồm quản lý các hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ, cũng như các hộ nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế tài nguyên. Đội cũng thực hiện kế hoạch thu thuế đối với các đối tượng được giao quản lý.

+ Đội Tuyên truyền - hỗ trợ NNT - trước bạ - thu khác hỗ trợ Chi cục trưởng trong việc tuyên truyền về chính sách và pháp luật thuế. Đội cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho NNT tại thành phố Thái Bình và huyện Vũ Thư, quản lý thu LPTB cùng các khoản đấu giá liên quan đến đất, tài sản, tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Nhiệm vụ cũng bao gồm thuế TNCN từ những người hành nghề tự do và các khoản thu liên quan đến đất, như thuế từ chuyển nhượng BĐS, thừa kế, quà tặng, lệ phí trước bạ, và các khoản thu khác. Đội còn thực hiện kế hoạch thu thuế đối với các đối tượng được giao quản lý.

+ Đội Hành chính – Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ: Giúp Chi cục trưởng CCT thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; hoạt động quản lý nhân sự; quản lý tài chính, quản trị; quản lý ấn chỉ trong nội bộ CCT quản lý.

Tổng nhân lực của CCT đã tăng từ 108 người năm 2021 lên 115 người năm 2023, phản ánh nhu cầu gia tăng về nhân sự. Đội TT-HTNNT-TB-TK tăng từ 21 lên 24 người, và Đội KK-KTT-TH-NV-DT-PC tăng từ 15 lên 23 người, thể hiện nhu cầu về kê khai, kế toán thuế. Đội KTT giảm từ 27 xuống 25 người do thay đổi quy trình. Các đội còn

lại ổn định. Sự gia tăng số nhân viên có trình độ cao và kinh nghiệm cho thấy Chi cục đang nâng cao chất lượng nhân sự. Đến 31/12/2023, Chi cục có 115 người, trong đó 112 biên chế (97,4%) và 3 hợp đồng (2,6%).

Bảng 2.1. Nhân lực của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

Đơn vị tính: người

	Nội dung	2021	2022	2023
	Tổng nhân lực	108	107	115
1	Phân theo bộ phận			
	Lãnh đạo chi cục	4	3	3
	Đội TT-hỗ trợ NNT-TB-TK	23	21	24
	Đội Kế khai - Kế toán thuế - Tin học - Nghiệp vụ - Kế hoạch - Pháp chế	15	17	23
	02 Đội Kiểm tra Thuế	27	26	25
	04 Đội Quản lý thuế liên xã, phường	32	32	32
	Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ	7	8	8
2	Phân theo kinh nghiệm			
	< 1 năm	22	0	7
	1-5 năm	5	25	24
	5-10 năm	21	21	19
	>10 năm	60	61	65
3	Phân theo trình độ			
	Thạc sĩ	15	14	16
	Đại học	90	90	96
	Cao đẳng, trung cấp	3	3	3
4	Phân theo biên chế, hợp đồng			
	Biên chế	105	104	112
	Hợp đồng	3	3	3

Nguồn: Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

2.1.3. Kết quả thu NSNN của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023

Tình hình thu NSNN của CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2. Thu NSNN của Chi cục thuế KV TP Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023

(Đơn vị: triệu đồng)

Năm	ĐVT	2021	2022	2023
Kế hoạch	Triệu đồng	660.920	1.967.520	2.064.740
Thực hiện	Triệu đồng	679.394	2.030.640	2.112.720
Tỷ lệ thực hiện kế hoạch	%	103	103	102

Nguồn: Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

Kết quả thực hiện kế hoạch thu ngân sách từ năm 2021 đến 2023 cho thấy sự tăng trưởng đáng kể, với số kế hoạch tăng từ 660.920 triệu đồng lên 2.064.740 triệu đồng, tương ứng với mức tăng khoảng 212%. Số thực hiện cũng ghi nhận sự gia tăng, từ 679.394 triệu đồng lên 2.112.720 triệu đồng, phản ánh hiệu quả trong công tác thu thuế. Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch duy trì ở mức cao, đạt 103% trong hai năm đầu và 102% trong năm 2023, cho thấy sự vượt chỉ tiêu tích cực mặc dù có sự giảm nhẹ. Điều này cho thấy khả năng quản lý thuế hiệu quả và sự phát triển của thị trường lao động. Tuy nhiên, cần phân tích sâu hơn để hiểu nguyên nhân của sự giảm nhẹ này và đưa ra các biện pháp khắc phục. Tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng thu cao hơn và cải tiến quy trình thu thuế sẽ giúp nâng cao hiệu quả trong tương lai.

Bảng 2.3. Kết quả thu NSNN tại Chi cục thuế thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Thuế TNCN	Triệu đồng	68.571	96.023	85.834
2	Thuế GTGT	Triệu đồng	296.113	353.583	375.126
3	Thuế TNDN	Triệu đồng	30.133	65.587	49.471
4	Các loại Thuế khác	Triệu đồng	284.577	1.515.447	1.602.289
	Tổng số thu NS của CCT	Triệu đồng	679.394	2.030.640	2.112.720
	Tỷ lệ thu thuế TNCN/ Tổng số thu NS	%	10,09	4,73	4,06

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư)

Từ dữ liệu thu ngân sách của CCT trong giai đoạn 2021-2023, có thể thấy những xu hướng đáng chú ý. Thuế TNCN đã tăng mạnh từ 68.571 triệu đồng năm 2021 lên 96.023 triệu đồng năm 2022, nhưng sau đó giảm xuống 85.834 triệu đồng năm 2023. Điều này có thể phản ánh sự cải thiện thu nhập cá nhân trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch, nhưng cũng chưa bền vững.

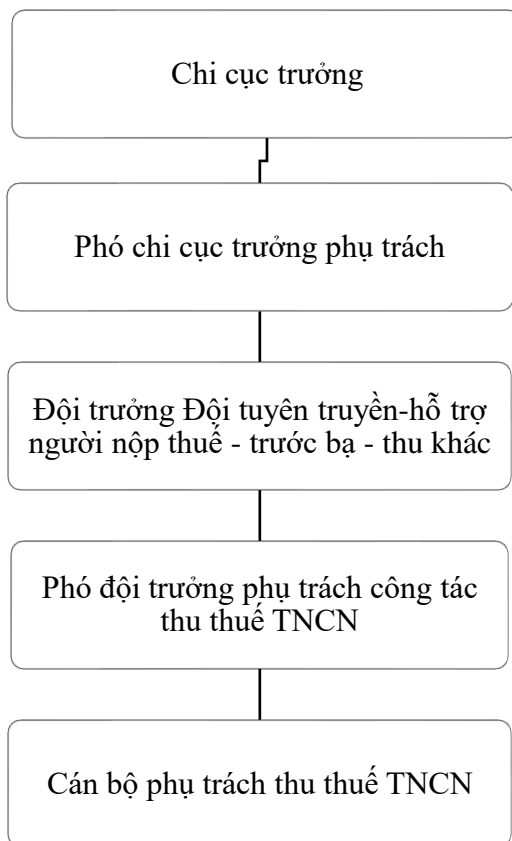
Thuế GTGT lại cho thấy một xu hướng tích cực khi tăng trưởng liên tục, từ 296.113 triệu đồng lên 375.126 triệu đồng, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ trong tiêu dùng và hoạt động kinh doanh. Ngược lại, thuế TNDN đã ghi nhận sự gia tăng từ 30.133 triệu đồng (2021) lên 65.587 triệu đồng (2022), nhưng lại giảm xuống 49.471 triệu đồng trong năm 2023, có thể phản ánh sự hoạt động không hiệu quả của DN trong bối cảnh kinh tế đang gặp rất nhiều khó khăn.

Đặc biệt, các loại thuế khác có sự gia tăng đột biến từ 284.577 triệu đồng lên 1.515.447 triệu đồng trong năm 2022, cho thấy sự thay đổi trong chính sách thuế và quản lý thu ngân sách.

Tuy nhiên, tỷ lệ thuế TNCN so với tổng thu ngân sách giảm từ 10,09% xuống 4,06%, cho thấy tỷ trọng thuế này trong tổng thu ngân sách đang giảm, lý do số thu thuế TNCN không thay đổi nhiều nhưng tổng thu ngân sách tăng nhanh hơn rất nhiều so với việc tăng của thu thuế từ TNCN. Tổng thu NSNN của CCT tăng nhanh từ năm 2021 đến 2022 là do Cục Thuế tỉnh Thái Bình chuyển hoạt động thu từ tiền thuê đất của DN do Cục Thuế quản lý sang cho địa bàn TP Thái Bình và Vũ Thư. Một nguyên nhân của tăng nhanh dự toán nữa là năm 2022 là năm có bảng giá đất mới do UBND tỉnh Thái Bình ban hành, giá đất sát với thực tế nên thuế thu từ tiền sử dụng đất và thuế phi nông nghiệp cũng tăng nhanh. Bên cạnh đó, mặc dù công tác thu ngân sách vượt dự toán nhưng chưa toàn diện và đồng đều giữa các khoản thu do nguồn thu trên địa bàn không ổn định qua các năm.

2.2. Thực trạng quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023

2.2.1. Bộ máy quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư



Hình 2.2. Bộ máy quản lý thu thuế TNCN tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng kết của Chi cục Thuế khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư)

Trong đó:

- Chi cục trưởng: Chịu trách nhiệm quyết định và triển khai công tác thu thuế TNCN hàng năm, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện, đồng thời tổng hợp đánh giá kết quả hàng năm.

- Phó chi cục trưởng phụ trách: Hỗ trợ Chi cục trưởng trong triển khai thu thuế TNCN, chỉ đạo phòng thu thuế và tiếp nhận thông tin giữa CCT và đội trưởng.

- Đội trưởng Đội tuyên truyền - hỗ trợ NNT - trước bạ - thu khác: Tổ chức thu thuế TNCN và hỗ trợ NNT tại TP Thái Bình - Vũ Thư, xây dựng kế hoạch thu thuế và báo cáo kết quả hàng năm.

- Đội phó phụ trách công tác thu thuế TNCN: Thực hiện nhiệm vụ được giao, tham mưu cho đội trưởng và đơn đốc cán bộ thực hiện kế hoạch.

- Cán bộ thu thuế TNCN: Theo chỉ đạo của đội trưởng và đội phó, tiếp nhận, xử lý và trả lời NNT về hồ sơ quyết toán, miễn giảm và hoàn thuế trong thời hạn quy định.

2.2.2. Lập kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình của chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

Trong giai đoạn 2021-2023, đại dịch COVID-19 đã gây ra những biến động lớn trong nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng rõ rệt đến hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó có CCT. Việc lập kế hoạch thu thuế TNCN tại CCT trong thời gian này đối mặt với nhiều thách thức, yêu cầu sự linh hoạt và sáng tạo để thích ứng với tình hình mới.

Cơ sở pháp lý cho việc lập kế hoạch thu thuế TNCN bao gồm Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 và Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, quy định về quản lý và thu thuế nói chung. Luật này đề cập đến quyền và nghĩa vụ của NNT, quy trình kiểm tra, thanh tra thuế, và các biện pháp xử lý vi phạm. Ngoài ra, các thông tư hướng dẫn cụ thể về mức thuế suất, cách tính thuế và các hình thức kê khai cũng đóng vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch thu thuế TNCN. Những quy định này quy định rõ ràng về ĐTNT, phương pháp tính thuế, và các miễn giảm thuế, giúp các cơ quan thuế có cơ sở để xây dựng kế hoạch thu phù hợp và hiệu quả.

Theo quy định và dữ liệu của năm trước liền kề về số thu thuế TNCN, CCT tiến hành lập kế hoạch thu thuế TNCN dựa trên căn cứ:

Bảng 2.4. Kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021 – 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	2021	2022	2023
1	<i>Tổng</i>	52.500	59.000	86.100
	TNCN từ tiền lương, tiền công	11.675	15.362	17.597
	TNCN từ chuyển nhượng BĐS	37.125	40.050	63.205
	TNCN từ các nguồn khác	3.700	3.588	5.298

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư năm 2021-2022-2023

Số liệu từ CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư cho thấy sự tăng trưởng ấn tượng trong quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình từ năm 2021 đến 2023. Tổng thu TNCN đã tăng mạnh từ 52.500 triệu đồng lên 86.100 triệu đồng, phản ánh sự phục hồi và phát triển kinh tế của khu vực. Trong đó, TNCN từ chuyển nhượng bất động sản tăng đáng kể, từ 40.050 triệu đồng năm 2022 lên 63.205 triệu đồng năm 2023, cho thấy nhu cầu cao và sự sôi động của thị trường bất động sản địa phương. Mặc dù TNCN từ tiền lương, tiền công cũng tăng nhưng với tốc độ chậm hơn, điều này có thể phản ánh sự cạnh tranh trong thị trường lao động. Cuối cùng, sự phục hồi của nguồn thu từ các nguồn khác cho thấy sự đa dạng hóa trong thu nhập của người dân. Những yếu tố này cho thấy tiềm năng phát triển kinh tế bền vững của thành phố Thái Bình trong thời gian tới. Công tác lập kế hoạch thu thuế TNCN giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn thành phố Thái Bình đã bám sát văn bản chỉ đạo cấp trên kết hợp đánh giá tình hình kinh tế trong khu vực và thực tiễn địa bàn để phân tích, nhận diện phù hợp và có giải pháp chủ động trong điều hành thu thuế. Những số liệu trong kế hoạch thu dựa trên kết quả đánh giá, tổng hợp khách quan và chi tiết từ các năm trước để đảm bảo việc thu thuế TNCN đạt kết quả cao nhất.

Việc lập kế hoạch thu thuế TNCN không chỉ dựa vào số thu của năm trước, mà còn cần dựa vào kế hoạch sử dụng đất trong những năm tới, cùng với báo cáo quý, tháng của năm hiện tại. Dữ liệu đóng vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch thu thuế TNCN. Việc thu thập và phân tích dữ liệu về thu nhập, tiêu dùng, cơ cấu dân số giúp cơ quan thuế có cái nhìn rõ hơn về tình hình kinh tế và từ đó đưa ra những dự báo chính xác. Tuy nhiên việc đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu cũng là một thách thức không nhỏ

2.2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

2.2.3.1. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế TNCN thuộc CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, gồm: Thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ các nguồn thu khác (thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ nhận thừa kế; thu nhập từ nhận quà tặng...)

Do vậy, không phải tất cả các ĐTNNT TNCN đều đã có MST. Để hỗ trợ NNT trong việc kê khai và nộp thuế, trong thời gian qua, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đã thực hiện tuyên truyền và rà soát cấp MST cho các cá nhân thuộc diện nộp

thuế. Điều này giúp Chi cục quản lý và kiểm tra việc kê khai, nộp thuế của từng NNT dễ dàng và hiệu quả hơn, đồng thời làm giảm khả năng trốn thuế của một số cá nhân vì họ đều nằm trong tầm kiểm soát của Chi cục.

+ Tuyên truyền qua tài liệu, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp: Thực hiện tuyên truyền qua các tài liệu, ấn phẩm do Cục Thuế biên soạn để phát cho NNT về các chính sách pháp luật hiện hành liên quan đến thuế TNCN.

+ Tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh huyện, đài truyền hình, các trang báo địa phương để đăng, phát những nội dung liên quan đến thực hiện nghĩa vụ thuế TNCN đến NNT tại địa bàn của CCT.

+ Tuyên truyền qua công thông tin điện tử ngành thuế: Bộ phận tuyên truyền thực hiện tuyên truyền các chủ trương, chính sách về thuế TNCN trên trang thông tin điện tử ngành thuế.

+ Tuyên truyền qua nền tảng mạng xã hội: sử dụng các mạng xã hội như Zalo, Facebook, Youtube... để truyền tải thông tin, ý tưởng về thuế TNCN

+ Tuyên truyền trực tiếp tại bộ phận một cửa.

Bảng 2.5. Kết quả thực hiện hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình-Vũ Thư

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số công chức thực hiện công tác tuyên truyền	Người	2	2	2
2	Hình thức tuyên truyền				
2.1	Cấp phát cho NNT các tài liệu, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, hỗ trợ do Cục Thuế biên soạn	Tờ rơi	300	600	700
2.2	Tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông	Bản tin	2	4	4
2.3	Tuyên truyền bằng thư điện tử	Lượt	5.543	5.627	6.048
2.4	TT-HTNNT trực tiếp tại bộ phận một cửa	Lượt	146	265	202

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư giai đoạn năm 2021-2023

Số lượng công chức thực hiện công tác tuyên truyền giữ ở mức 2 người, cho thấy sự hạn chế trong nguồn nhân lực. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng mở rộng và hiệu quả của các hoạt động tuyên truyền.

Mặc dù số lượng tăng, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch giảm dần từ 98,2% (năm 2021) xuống 95,4% (năm 2023), có thể do người dân chuyển sang tìm kiếm thông tin qua các kênh điện tử nhiều hơn.

Hoàn thành kế hoạch với 2 bản tin năm 2021 và 4 bản tin cho cả năm 2022 và 2023. Điều này cho thấy thông tin về chính sách thuế được truyền tải đầy đủ và kịp thời.

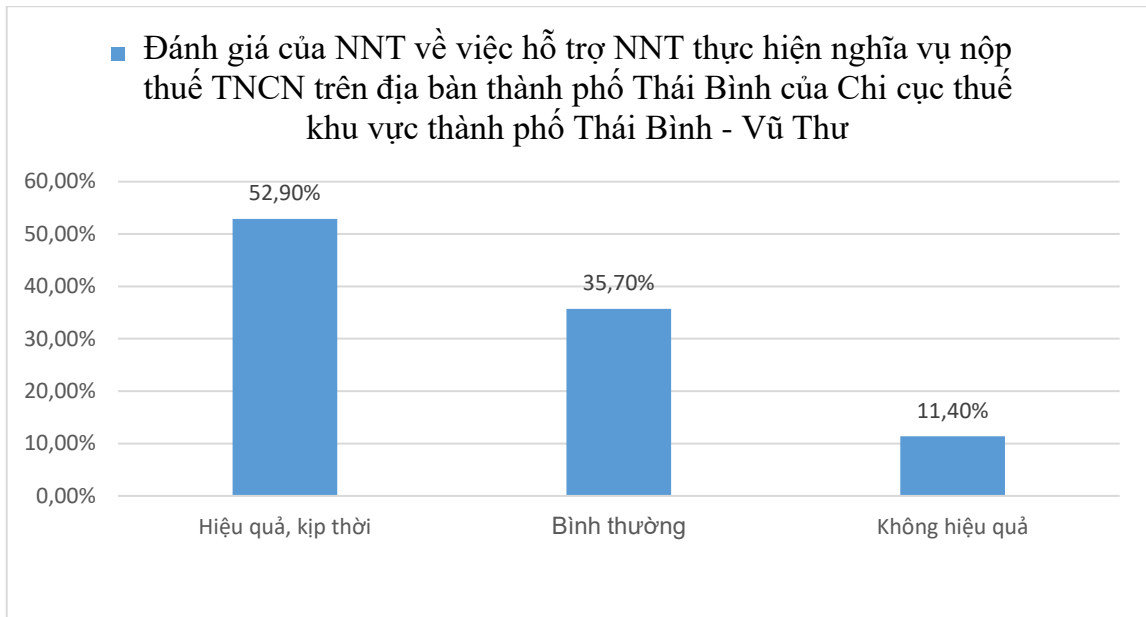
Số lượt tuyên truyền qua thư điện tử tăng từ 5.543 lượt (năm 2021) lên 6.048 lượt (năm 2023), vượt kế hoạch. Xu hướng này phản ánh sự chuyển mình sang các kênh truyền thông hiện đại và tiết kiệm chi phí.

Lượt TT-HTNNT tăng từ 146 (năm 2021) lên 265 (năm 2022), nhưng giảm xuống 202 (năm 2023), cho thấy nhu cầu hỗ trợ vẫn còn nhưng có thể có sự chuyển dịch sang các hình thức thông tin khác.

Mặc dù có sự gia tăng về số lượng tài liệu và hình thức tuyên truyền, nhưng việc duy trì số lượng công chức thực hiện tuyên truyền có thể là một yếu tố hạn chế. Tỷ lệ hoàn thành giảm ở một số chỉ tiêu cho thấy cần cải thiện chiến lược tuyên truyền, đặc biệt trong việc tiếp cận và hỗ trợ NNT. Sự chuyển dịch sang hình thức truyền thông số, như thư điện tử, cho thấy sự thích ứng tốt với thói quen tiếp nhận thông tin hiện đại. Cần tiếp tục khai thác và phát huy các kênh này để nâng cao hiệu quả tuyên truyền về thuế thu nhập cá nhân.

Thực hiện hỗ trợ NNT trên địa bàn thành phố Thái Bình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNCN theo pháp luật.

CCT đã phối hợp Đài phát truyền thanh truyền hình, UBND xã, thị trấn và các đơn vị liên quan thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ đối với NNT bằng nhiều hình thức như: hướng dẫn trực tiếp, bằng điện thoại, bằng văn bản, duy trì đưa tin hàng tháng, viết bài, tin, làm chuyên mục về hoạt động của ngành thuế, tuyên truyền trên website của Cục Thuế tỉnh Thái Bình, tổ chức đối thoại trực tiếp với NNT,...



Biểu đồ 2.1. Đánh giá của NNT về hỗ trợ NNT thực hiện nộp thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

(Nguồn: Qua khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát đối với 100 NNT cho thấy có 52,9% ý kiến cho rằng công tác hỗ trợ NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNCN theo pháp luật tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là hiệu quả và kịp thời; có 35,7% ý kiến cho rằng công tác này là bình thường và 11,4% ý kiến không đạt hiệu quả. Như vậy, công tác hỗ trợ NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNCN theo pháp luật tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là khá tốt. Trong thời gian tới, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư cần phải có biện pháp hỗ trợ đa dạng và hiệu quả hơn nữa nhằm đảm bảo việc hỗ trợ NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNCN được nhanh chóng, chính xác.

2.2.3.2. Đăng ký mã số thuế

- Cấp mã số thuế TNCN

Cục thuế tỉnh Thái Bình đã chỉ đạo các CCT trực thuộc chuẩn bị cho việc tiếp nhận và báo cáo tình hình đăng ký thuế của các tổ chức và cá nhân trong khu vực quản lý. Dựa trên chỉ đạo này, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đã có văn bản hướng dẫn Đội Tin học và Đội Tuyên truyền thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục đăng ký thuế cho các tổ chức và cá nhân. Đội Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT sẽ tư vấn, hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế cũng như cấp MST cho các đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân; trong khi đó, Đội Tin học sẽ xử lý hồ sơ đăng ký thuế và trả kết quả cho Đội Tuyên truyền. Việc đăng ký mã số thuế thu nhập cá nhân được chia thành hai nhóm: cá nhân có thu nhập chịu thuế đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế địa phương.

Bảng 2.6. Kết quả cấp MST TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021 – 2023

Đơn vị tính: Người

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Cá nhân được cấp MST từ tiền lương tiền công	9.548	10.266	11.023
2	Cá nhân được cấp MST từ chuyển nhượng bất động sản	2.352	2.101	2.254
3	Cá nhân được cấp MST từ các nguồn thu khác	9	15	13
	Tổng	11.909	12.382	13.290

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư)

Bảng số liệu trên cung cấp cái nhìn tổng quan về số lượng cá nhân được cấp MST tại địa bàn thành phố Thái Bình trong giai đoạn 2021-2023. Điều đáng chú ý là tổng số cá nhân được cấp MST có xu hướng tăng ổn định qua các năm, phản ánh sự phát triển kinh tế và nâng cao ý thức đóng thuế của người dân. Xu hướng này cho thấy một bức tranh tích cực về sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nguồn thu từ tiền lương tiền công đóng góp phần lớn vào tổng số cá nhân được cấp MST, cho thấy sự phát triển của khu vực DN và việc làm. Điều này có thể giải thích bởi sự tăng trưởng của các DN vừa và nhỏ, cùng với chính sách khuyến khích người dân tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Số lượng cá nhân được cấp MST từ chuyển nhượng bất động sản có sự biến động nhẹ, có thể do ảnh hưởng của các chính sách về nhà đất và biến động của thị trường bất động sản.

So sánh với năm 2021, số lượng cá nhân được cấp mã số thuế năm 2023 đã tăng đáng kể, cho thấy một tốc độ tăng trưởng ổn định. Sự tăng trưởng này có thể được giải thích bởi sự phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch COVID-19, cùng với các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với DN và người dân. Địa bàn thành phố Thái Bình có tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định, cho thấy đã có những nỗ lực đáng kể trong việc thu hút đầu tư và tạo việc làm.

Kết quả này có được nhờ sự nỗ lực của CBT tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư. Ban đầu, việc cấp MST được thực hiện thủ công, khi các tổ chức chi trả thu nhập tập hợp hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế để nhập dữ liệu. Tuy nhiên, nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, việc cấp MST đã chuyển sang phương pháp tự động. Chi cục

đã cung cấp phần mềm hỗ trợ đăng ký thuế cho các đơn vị và gửi hướng dẫn đến các tổ chức. Cán bộ cũng được bố trí để giải đáp thắc mắc qua điện thoại và trực tiếp về cách sử dụng phần mềm và thực hiện thủ tục đăng ký MST. Các tổ chức chi trả thu nhập giờ đây có thể nhập dữ liệu vào phần mềm và gửi file đăng ký qua internet. Văn phòng Chi cục sẽ duyệt hồ sơ và cấp MST cho các cá nhân cũng như người phụ thuộc, sau đó thông báo kết quả cấp MST qua các tổ chức chi trả thu nhập và internet.

Việc cấp MST tự động đã rút ngắn thời gian cấp MST cho thu nhập cá nhân, giảm áp lực cho cả cán bộ thuế và người dân. Bên cạnh đó, Chi cục cũng thực hiện quản lý đăng ký cấp MST giảm trừ cho người phụ thuộc của NNT.

CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đã cấp MST cá nhân cho tất cả đối tượng có thu nhập chịu thuế TNCN. Quá trình này được thực hiện thông qua việc gửi thông tin qua mạng internet từ cá nhân hoặc các cơ quan chi trả thu nhập, sử dụng trang web tncnonline.com.vn. Sau khi gửi bảng kê đến cơ quan thuế, MST sẽ được cấp trong vòng ba ngày qua mạng, đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng và thuận tiện, đồng thời giảm thiểu thủ tục hành chính phức tạp và tiết kiệm thời gian cho cả cá nhân và đơn vị.

2.2.3.3. Tiếp nhận hồ sơ kê khai và nộp thuế

Bộ phận Một cửa, trực thuộc đội TT-HTNNT-TB-TK tại CCT khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư, là nơi tiếp nhận trực tiếp các hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân của người dân. Sau khi kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ, nhân viên bộ phận sẽ tiến hành nhập liệu toàn bộ thông tin vào hệ thống quản lý thuế tập trung TMS. Hệ thống TMS này sẽ lưu trữ, xử lý và phân loại hồ sơ một cách nhanh chóng và chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi và quản lý quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Cuối mỗi ngày làm việc, bộ phận sẽ in danh sách các hồ sơ đã tiếp nhận để chuyển giao cho các bộ phận chuyên môn có liên quan tiếp tục xử lý theo quy định, đảm bảo việc giải quyết hồ sơ được thực hiện kịp thời và hiệu quả, tạo sự hài lòng cho NNT.

2.2.3.4. Xử lý tờ khai nộp thuế TNCN

- Quyết toán và hoàn thuế cho đối tượng nộp thuế TNCN từ tiền lương tiền công

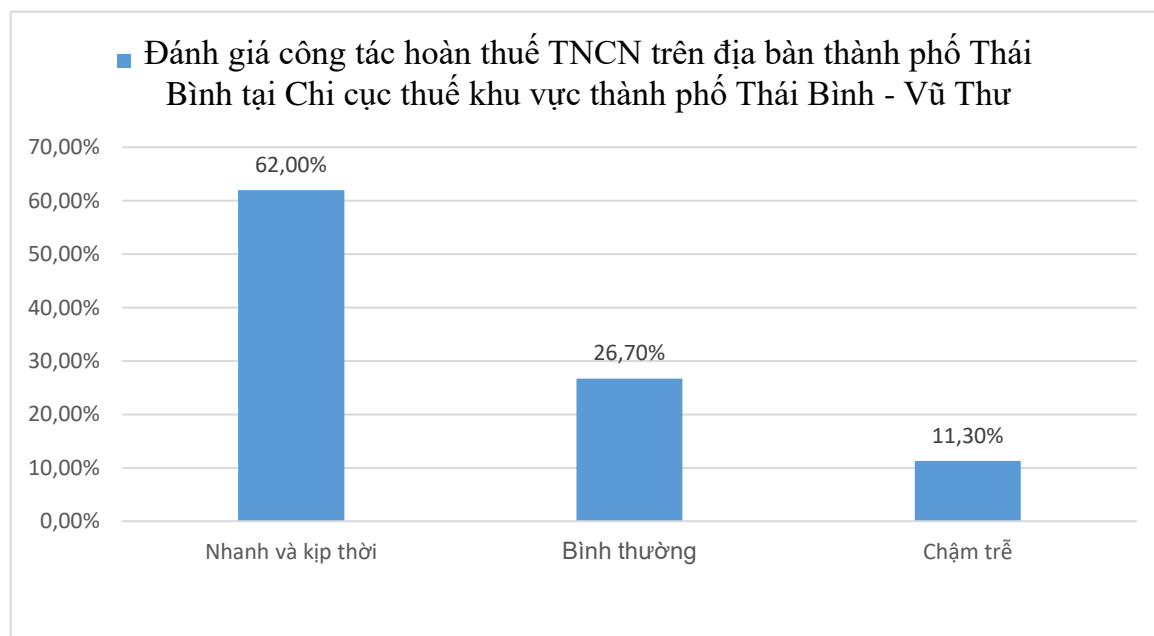
Công tác giải quyết hồ sơ hoàn thuế cho cá nhân NNT trên địa bàn thành phố Thái Bình luôn được CCT quan tâm chú trọng ngay từ những tháng đầu của năm. Trong đó, CCT đã tích cực chủ động giao xuống cho từng Đội có liên quan, nắm bắt được số các đối tượng có đủ điều kiện để được hoàn thuế theo quy định. Qua đó, có thể thấy số lượng hồ sơ hoàn thuế TNCN đã tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2021, chi cục chỉ mới tiếp nhận và giải quyết 746 hồ sơ hoàn thuế thì đến năm 2023 số lượng tăng lên 916 hồ sơ hoàn thuế.

Những năm qua, việc giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư được xử lý kịp thời, không có trường hợp giải quyết trễ hạn, cơ quan thuế tuân thủ đúng quy định về hoàn thuế theo hình thức hoàn trước, kiểm tra sau. Trong năm 2021-2023, hồ sơ hoàn thuế TNCN thường vẫn được nộp bằng bản giấy, do vậy thời gian giải quyết chậm vì thiếu cán bộ xử lý, gây bức xúc cho NNT.

Bảng 2.7. Kết quả xử lý hồ sơ hoàn thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số lượng hồ sơ đề nghị hoàn thuế TNCN	Bộ	746	825	916
2	Số thuế đề nghị hoàn thuế TNCN	Triệu đồng	35.216	42.254	54.228
3	Số hồ sơ đã hoàn thuế TNCN	Bộ	657	772	849
4	Số thuế đã hoàn	Triệu đồng	29.881	37.550	48.673

(Nguồn: *Đội thuế trước bạ và thu khác - Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư*)



Biểu đồ 2.2. Đánh giá công tác hoàn thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

(Nguồn: *Qua khảo sát của tác giả*)

Kết quả khảo sát 100 NNT cho thấy có 62% ý kiến cho rằng công tác hoàn thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là nhanh và kịp thời; có 26,7% ý kiến cho rằng công tác hoàn thuế là bình thường và 11,3% ý kiến cho rằng công tác hoàn thuế TNCN còn chậm trễ. Như vậy, số ý kiến đánh giá việc hoàn thuế chậm trễ khá cao, đòi hỏi CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư cần phải đẩy mạnh tiến độ và chất lượng hoàn thuế TNCN nhằm phục vụ nhu cầu của NNT một cách nhanh chóng.

Bảng 2.8. Tình hình nợ thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư

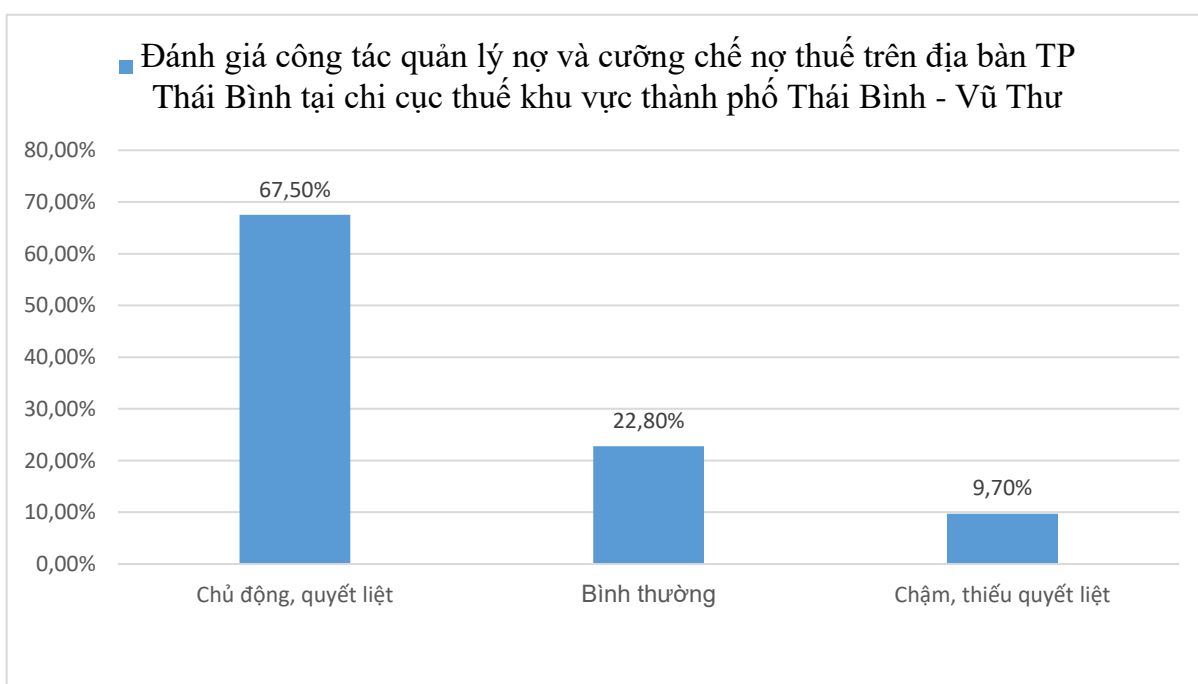
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Nợ có khả năng thu	371	437	440
1.1	TNCN từ tiền lương, tiền công	325	375	405
1.2	TNCN từ chuyển nhượng BĐS	46	62	35
1.3	TNCN từ các nguồn khác	0	0	0
2	Nợ khó thu	160	217	262
2.1	TNCN từ tiền lương, tiền công	85	121	159
2.2	TNCN từ chuyển nhượng BĐS	75	96	103
2.3	TNCN từ các nguồn khác	0	0	0
3	Nợ chờ xử lý	0	0	0
	Tổng số tiền nợ	531	654	702

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư giai đoạn năm 2021-2023

Trong giai đoạn 2021-2023, tình hình nợ thuế của CCT đã có những biến động đáng chú ý. Tổng số nợ thuế tăng từ 531 triệu đồng lên 702 triệu đồng, cho thấy sự gia tăng của nợ thuế trong thời gian qua. Cụ thể, nợ có khả năng thu tăng nhẹ từ 371 triệu đồng lên 440 triệu đồng, với phần lớn sự gia tăng đến từ thuế TNCN từ tiền lương, tiền

công, cho thấy vẫn còn khả năng thu hồi từ các khoản nợ này. Tuy nhiên, nợ khó thu cũng tăng đáng kể từ 160 triệu đồng lên 262 triệu đồng, với sự gia tăng mạnh ở cả hai nguồn: tiền lương, tiền công và chuyển nhượng bất động sản. Điều này có thể phản ánh những khó khăn trong việc thu hồi nợ từ những nguồn này, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động. Đáng lưu ý là không có nợ chờ xử lý trong ba năm qua, cho thấy không có khoản nợ nào đang trong quá trình giải quyết. Tổng thể, dù nợ có khả năng thu vẫn tăng, nhưng sự gia tăng của nợ khó thu đặt ra thách thức lớn cho hoạt động quản lý và thu hồi nợ thuế, yêu cầu các biện pháp hiệu quả hơn để giảm thiểu tình trạng này và đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách.



Biểu đồ 2.3. Đánh giá công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế trên địa bàn thành phố Thái Bình tại chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

(Nguồn: Qua khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát NNT cho thấy có 67,5% ý kiến cho rằng hoạt động quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là chủ động và quyết liệt; có 22,8% ý kiến cho rằng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là bình thường và 9,7% ý kiến cho rằng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế còn chậm và thiếu quyết liệt. Như vậy, công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là khá tốt. Trong thời gian tới, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư cần phải chủ động và dứt điểm hơn nữa trong việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm đạt được mục tiêu thu thuế đã đặt ra theo kế hoạch.

- *Xử lý hồ sơ thuế TNCN*

Dưới đây là dữ liệu về số lượng hồ sơ thuế và thuế TNCN của CCT trong các năm 2021 đến 2023, cho thấy những biến động trong công tác quản lý hồ sơ và tình hình thu ngân sách.

Bảng 2.9. Tình hình xử lý hồ sơ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn thành phố Thái Bình

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Bộ	14.032	12.042	13.625
2	Số lượng hồ sơ xử lý	Bộ	14.032	12.042	13.625
3	Thuế TNCN	Triệu đồng	38.254	42.015	64.115

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư giai đoạn năm 2021-2023

Trong giai đoạn 2021-2023, số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý của CCT cho thấy sự biến động đáng chú ý. Năm 2021, số lượng hồ sơ đạt 14.032, nhưng đã giảm mạnh xuống 12.042 vào năm 2022, trước khi phục hồi lên 13.625 trong năm 2023. Sự giảm sút này trong năm 2022, phản ánh những thách thức trong hoạt động quản lý hoặc ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như dịch bệnh. Tuy nhiên, sự phục hồi trong năm 2023 cho thấy sự phát triển của hoạt động bất động sản tại địa bàn thành phố.

Đáng chú ý là thuế TNCN đã tăng mạnh từ 38.254 triệu đồng (2021) lên 64.115 triệu đồng (2023). Điều này cho thấy không chỉ là sự tăng lên trong số lượng hồ sơ mà còn cho thấy khả năng tăng trưởng trong thu ngân sách từ thuế TNCN, cho thấy sự cải thiện trong thu nhập và nhu cầu nhà ở của người dân.

Tóm lại, mặc dù số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý có sự biến động, nhưng sự gia tăng mạnh mẽ của thuế TNCN là một tín hiệu tích cực cho công tác thu ngân sách, phản ánh sự phục hồi và phát triển của nền kinh tế. Cần tiếp tục theo dõi và cải thiện quy trình để nâng cao hiệu quả thu ngân sách trong những năm tới.

Xử lý hồ sơ từ các nguồn thu khác:

Số lượng hồ sơ thuế và thuế TNCN từ các nguồn thu khác trong các năm 2021 đến 2023, cung cấp cái nhìn tổng quan về hoạt động quản lý hồ sơ thuế và tình hình thu ngân sách của CCT.

Bảng 2.10. Tình hình xử lý hồ sơ thuế thu nhập cá nhân từ các nguồn thu khác trên địa bàn thành phố Thái Bình

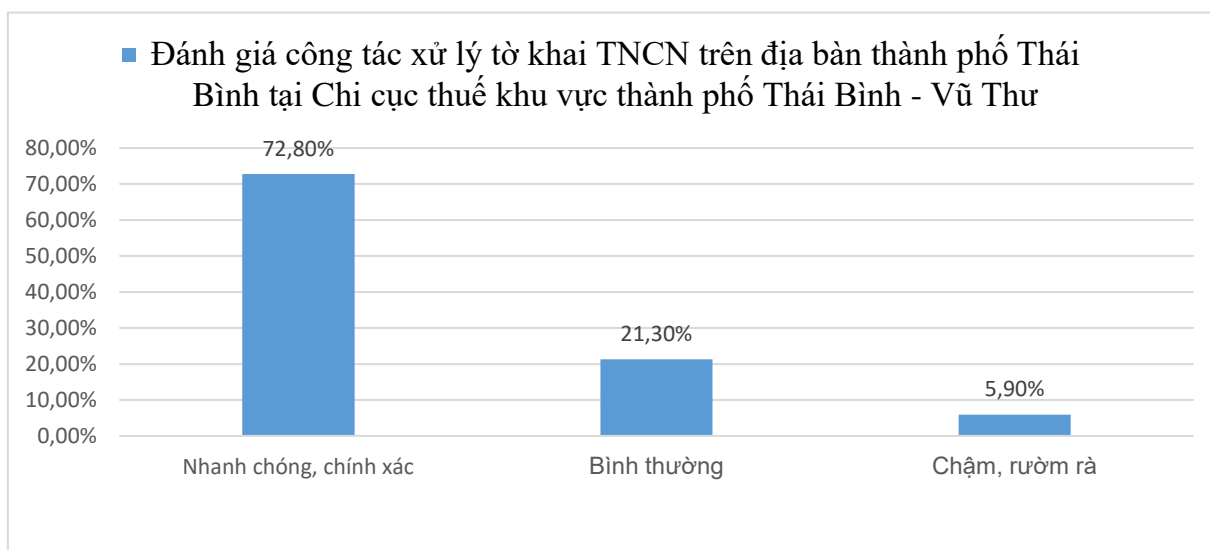
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Bộ	14	21	19
2	Số lượng hồ sơ xử lý	Bộ	14	21	19
3	Thuế TNCN	Triệu đồng	3.805	3.715	4.352

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư giai đoạn năm 2021-2023

Trong giai đoạn 2021-2023, số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý của CCT đã có sự biến động nhất định. Cụ thể, số lượng hồ sơ tiếp nhận tăng từ 14 hồ sơ năm 2021 lên 21 hồ sơ năm 2022, nhưng sau đó giảm nhẹ xuống 19 hồ sơ vào năm 2023. Lý do là đối với các nguồn thu khác thường là thu vãng lai, số lượng không giống nhau qua các năm.

Mặc dù số lượng hồ sơ có sự biến động, thuế TNCN đã tăng trưởng ổn định, từ 3.805 triệu đồng năm 2021 lên 4.352 triệu đồng năm 2023. Điều này cho thấy khả năng thu hồi thuế từ NNT vẫn được duy trì và có xu hướng tăng, phản ánh sự cải thiện trong thu nhập của người dân hoặc hiệu quả của các chính sách thuế.

Tóm lại, dù số lượng hồ sơ có sự thay đổi, việc tăng trưởng của thuế TNCN là một tín hiệu tích cực cho công tác thu ngân sách, cho thấy sự phục hồi và phát triển kinh tế trong thời gian qua.



Biểu đồ 2.4. Đánh giá công tác xử lý tờ khai TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

(Nguồn: Qua khảo sát của tác giả)

Kết quả khảo sát 100 NNT cho thấy có 72,8% ý kiến cho rằng công tác xử lý tờ khai và kê toán thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là nhanh chóng và chính xác; có 21,3% ý kiến cho rằng là bình thường và 5,9% ý kiến cho rằng công tác còn chậm chạp, rườm rà. Như vậy, quy trình tiếp nhận và quản lý tờ khai thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư là khá tốt. Trong thời gian tới, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư cần phải đẩy mạnh tiến độ và chất lượng việc xử lý tờ khai và kê toán thuế TNCN nhằm đảm bảo việc thu thuế TNCN được nhanh chóng, chính xác.

Về nội dung quản lý kê khai thuế TNCN, tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, hoạt động này hiện được thực hiện theo hai phương pháp: một là kê khai và nộp thuế thông qua cơ quan chi trả thu nhập, hai là trực tiếp kê khai và nộp thuế tại cơ quan thuế.

2.2.4. Kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình.

Công tác kiểm tra thu thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư trong giai đoạn 2021-2023 đã hoàn thành kế hoạch hàng năm do bộ phận kiểm tra nội bộ giao, đồng thời thực hiện kiểm tra đột xuất theo các chuyên đề từ cấp trên. Tuy nhiên, việc phát hiện các tồn tại và thiếu sót vẫn còn hạn chế, và nội dung kiểm tra về thuế TNCN chủ yếu tập trung vào kiểm tra sau hoàn thuế.

Trước tiên, kiểm soát nội dung thu thuế TNCN là một nhiệm vụ trọng tâm. Đối với việc xử lý tờ khai TNCN từ tiền lương, tiền công, Chi cục yêu cầu phải có văn bản thẩm định do bộ phận kiểm tra nội bộ thực hiện trước khi ra quyết định hoàn thuế. Điều này không chỉ tạo ra một lớp bảo vệ chắc chắn mà còn đảm bảo mọi tờ khai đều được xử lý một cách chính xác và tuân thủ các quy định pháp luật. Đối với tờ khai TNCN từ chuyển nhượng bất động sản, Chi cục thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên 5% số hồ sơ đã xử lý hàng tháng, giúp phát hiện kịp thời những sai sót và cải thiện chất lượng quản lý thu thuế.

Bên cạnh đó, Chi cục cũng đặc biệt chú trọng đến kiểm soát thời gian xử lý hồ sơ. Định kỳ hàng quý, Ban lãnh đạo tiến hành đánh giá công chức dựa trên thời gian hoàn thành hồ sơ theo quy trình đã đặt ra. Việc này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công việc mà còn tạo động lực cho cán bộ, khuyến khích họ phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ một cách nhanh chóng và chính xác.

Ngoài ra, kiểm soát đột xuất cũng là một phương thức hiệu quả để đảm bảo sự minh bạch trong hoạt động thu thuế. Cục Thuế tỉnh Thái Bình thực hiện các cuộc kiểm tra đột xuất khi nhận được kiến nghị, vướng mắc từ NNT liên quan đến thuế TNCN.

Những cuộc kiểm tra này không chỉ kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề tồn đọng mà còn nâng cao niềm tin của NNT vào cơ quan thuế.

Tất cả những nỗ lực này góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNCN, giảm thiểu sai sót và gia tăng sự minh bạch trong công tác thu ngân sách

Hộp 2.1: Kết quả phỏng vấn chuyên sâu về kiểm soát thu thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

Trong giai đoạn 2021-2023, công tác kiểm soát thu thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đã đạt được nhiều tiến bộ. Kế hoạch thu thuế được thực hiện nghiêm túc, với các biện pháp kiểm soát chặt chẽ về nội dung và thời gian xử lý hồ sơ. Chi cục đã áp dụng quy trình kiểm tra nội bộ cẩn thận, yêu cầu thẩm định trước khi quyết định hoàn thuế, từ đó đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong quản lý thu thuế. Hệ thống đánh giá thường xuyên giúp nhận diện điểm mạnh và yếu trong quy trình, đồng thời tạo động lực cho cán bộ nâng cao hiệu suất làm việc.

Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức cần giải quyết, như việc giảm thiểu nợ khó thu và cải thiện chất lượng dịch vụ công để NNT thuận tiện hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Chi cục đã thể hiện cam kết nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế TNCN, và các hoạt động đánh giá định kỳ đóng góp vào sự phát triển bền vững trong công tác thu ngân sách.

Nguồn: Phỏng vấn chuyên sâu của tác giả

2.3. Đánh giá chung về quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

2.3.1. Những kết quả đạt được

2.3.1.1. Kết quả về số thuế TNCN đã thu trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023

Kết quả thu nộp thuế TNCN có vai trò quan trọng đối với chất lượng quản lý thuế tại các CQT, đặc biệt là CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư. Để quản lý thu nộp thuế TNCN hàng tháng, bộ phận KK và KTT tiến hành rà soát và kiểm tra các hồ sơ khai thuế, chứng từ nộp thuế, cũng như các quyết định và biên bản liên quan đến nghĩa vụ thuế của các cá nhân có thu nhập cao.

Trước ngày 5 hàng tháng, các bộ phận chức năng lập Bảng kê các thông báo và quyết định về thuế từ tháng trước. Họ cũng đối chiếu số liệu với bộ phận KK-KTT để đảm bảo việc ghi chép và hạch toán các khoản thuế phải nộp, đã nộp, còn nợ và nộp thừa của NNT được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Tình hình thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình đã đạt được nhiều thành công. Thành tích này là nhờ vào việc thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý thuế trong những năm qua. Ban lãnh đạo Chi cục và toàn bộ cán bộ nhân viên đã không ngừng nỗ lực và cố gắng nâng cao hiệu quả công tác thu thuế, đặc biệt là thuế TNCN.

2.3.1.2. Kết quả về thực hiện các nội dung quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình của Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình-Vũ Thư giai đoạn 2011-2023.

Trong giai đoạn 2021-2023 CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đã thực hiện tốt các nội dung quản lý thu thuế TNCN sau:

Thứ nhất. Về bộ máy quản lý thu thuế TNCN:

Bộ máy quản lý thu thuế TNCN được bố trí phù hợp theo yêu cầu vị trí công việc. Các cán bộ, công chức làm việc tại Chi cục đều đã có nhiều năm kinh nghiệm, được tham gia các khóa tập huấn, đào tạo chuyên môn nên cơ bản đủ năng lực để giải quyết các công việc về thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình.

Thứ hai. Lập kế hoạch thu thuế TNCN năm sau đảm bảo cao hơn số thu năm trước và có cơ cấu phù hợp với cơ cấu các loại thuế TNCN cần thu của từng năm. Cụ thể

CCT đã nghiêm túc thực hiện quy trình kê khai như: ra thông báo nhắc nộp tờ khai, thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế... làm giảm được đáng kể số lượng NNT không nộp hồ sơ khai thuế, tăng tỷ lệ số NNT nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn. Một thành công nữa của CCT trong công tác kê khai đó là đã đưa số DN kê khai qua mạng lên hơn 90% trong năm 2023, góp phần không nhỏ vào công cuộc cải cách thủ tục hành chính của Chi cục.

Thứ ba. Thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN:

- CCT đã thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm quản lý nợ thuế, hạn chế phát sinh nợ mới, xử lý nợ chây ỳ và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật quản lý thuế để thu hồi nợ thuế còn tồn đọng. Kết quả số tiền nợ thuế TNCN đã giảm qua từng năm. Tỷ lệ nợ thuế trên tổng số thu thuế thấp hơn nhiều so với nhiệm vụ được giao.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT về các quy định của pháp luật thuế được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, giúp NNT bước đầu làm quen với việc trực tiếp tính phần thu nhập cần nộp thuế cho nhà nước theo quy định của pháp luật. Áp dụng các dịch vụ hỗ trợ NNT do Tổng cục Thuế đã triển khai, cung cấp tại CCT như: hệ thống dịch vụ thuế điện tử tại địa chỉ thuedientu.gdt.gov.vn, dịch vụ tra cứu hóa đơn tại địa chỉ tracuuhoadon.gdt.gov.vn, dịch vụ tra cứu thông tin đăng ký thuế của NNT.

- CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư đã tăng cường thực hiện triển khai cải cách quy trình hành chính thuế và hướng dẫn NNT thực hiện các thủ tục hành chính thuế như kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, nộp lệ phí trước bạ điện tử ô tô, xe máy...Thực hiện việc cập nhật, đăng tải đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn về thuế và bộ thủ tục hành chính thuế trên website của CCT, Cổng dịch vụ công quốc gia và kết nối thông tin với NNT qua email, tin nhắn.

- Công tác quyết toán và lập hồ sơ hoàn thuế TNCN được thực hiện đúng quy định, không để xảy ra trường hợp quá thời hạn giải quyết nên đã tạo niềm tin cho cá nhân sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo pháp luật về thuế. Cụ thể:

CCT đã thực hiện gửi thư đôn đốc kê khai và nộp tờ khai đến từng DN, số hồ sơ quyết toán đã nộp tăng lên.

Hoạt động quản lý thu thuế thanh quyết toán đối với hộ kinh doanh và các cá nhân có nhiều nguồn thu nhập là một vấn đề lớn với bất kỳ cơ quan quản lý thuế nào bởi việc kê khai quyết toán hay không phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của NNT. Tuy nhiên đến năm 2023 cùng với sự cải tiến trong phần mềm quản lý thuế, Chi cục đã xác định được danh sách những cá nhân kinh doanh, những cá nhân có nhiều nguồn thu nhập, đây là những đối tượng phải thực hiện kê khai quyết toán thuế TNCN. Từ đó gửi thư đôn đốc, yêu cầu nộp hồ sơ quyết toán thuế. Đồng thời cũng kiểm tra được tổng thu nhập trong năm của một NNT, số thuế phải nộp thêm hoặc số thuế được hoàn của NNT, giúp cho công tác hoàn thuế được thuận lợi chính xác và nhanh chóng hơn.

Thứ tư. Công tác kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN

Tại CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư việc kiểm tra về nộp thuế TNCN được thực hiện đúng quy định hàng năm, từng bước nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của NNT. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên đã giúp CCT đảm bảo kế hoạch được triển khai hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra và phát hiện kịp thời những tồn tại, hạn chế để có phương hướng khắc phục, giảm thiểu rủi ro cho cán bộ thuế.

Kiểm tra đột xuất tại các CCT cũng đã góp phần ngăn chặn và xử lý kịp thời các HVVP quy định của cán bộ thuế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

2.3.2. Một số hạn chế

Thứ nhất, hạn chế về tổ chức bộ máy quản lý thu thuế TNCN:

Công tác đào tạo năng lực của cán bộ ngành thuế chưa được lãnh đạo Chi cục quan tâm chỉ đạo sát sao, do vậy kiến thức về các sắc thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng của một bộ phận cán bộ tại CCT chưa hoàn thiện. Tính đến ngày 31/8/2024, công

chức làm công tác thu thuế TNCN tại CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư là 3 cán bộ. Hiện tại họ phải đảm nhận khối lượng công việc rất nhiều nên 3 cán bộ này vừa phải tiếp công dân, vừa phải xử lý hồ sơ dẫn đến tình trạng quá tải công việc xảy ra thường xuyên. Do đó, chất lượng giải quyết công việc thu thuế TNCN nhiều khi chưa đảm bảo tiến độ và yêu cầu đã đặt ra.

Thứ hai, hạn chế về lập kế hoạch thu thuế TNCN:

- Về quản lý kê khai thuế TNCN để áp dụng chính sách thuế:

Qua thực tế rà soát, đơn đốc NNT nộp hồ sơ khai thuế nói chung và hồ sơ khai thuế TNCN nói riêng các cán bộ thuế thấy vẫn còn nhiều NNT chưa nắm vững các chính sách về thuế TNCN và các thay đổi về pháp luật quản lý thuế TNCN.

- Về tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn NNT triển khai đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, tuyên truyền quản lý nhận hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế TNCN bằng phương thức điện tử:

Việc quản lý NNT nói chung và quản lý thông tin cá nhân NNT nói riêng đang được CCT khu vực Thái Bình - Vũ Thư thực hiện tốt theo các chính sách về thuế đang được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế theo xu hướng hiện đại trên toàn cầu. Tuy nhiên trước đây việc nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN chỉ thực hiện theo phương pháp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế nhưng nay đã có thể triển khai bằng các phương pháp điện tử nên đến thời điểm hiện tại NNT chưa được phổ biến, hướng dẫn về cách thức nộp hồ sơ điện tử nên vẫn còn nhiều NNT vẫn phải đến tận trụ sở cơ quan thuế để nộp hồ sơ thuế TNCN.

Công tác tuyên truyền thuế TNCN còn gặp nhiều hạn chế. Thứ nhất, thông tin tuyên truyền thường chưa đầy đủ và dễ hiểu, khiến nhiều NNT không nắm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Thứ hai, các kênh tuyên truyền chưa phát huy hiệu quả tối đa, với sự tham gia hạn chế từ các phương tiện truyền thông hiện đại, dẫn đến việc thông tin không đến tay đối tượng cần thiết. Cuối cùng, sự thiếu phối hợp giữa các CQT và tổ chức xã hội trong việc triển khai hoạt động tuyên truyền cũng làm giảm tính hiệu quả của chiến dịch, từ đó ảnh hưởng đến ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của người dân.

Thứ ba, hạn chế về thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN, gồm:

- Hạn chế trong quản lý người phụ thuộc của đối tượng nộp thuế TNCN:

Việc xác minh thông tin về người phụ thuộc thường khó khăn do thiếu dữ liệu chính xác, khi nhiều người nộp thuế không cung cấp hồ sơ chứng minh quan hệ. Hơn nữa, nhận thức của NNT về quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến người phụ thuộc còn hạn chế, dẫn

đến việc khai báo không đầy đủ. Cuối cùng, công tác tuyên truyền và hướng dẫn về chính sách thuế liên quan đến người phụ thuộc chưa được triển khai hiệu quả, khiến nhiều NNT không nắm rõ thông tin cần thiết. Những hạn chế này cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả quản lý trong thuế TNCN.

- Hạn chế trong khai thác các nguồn mới để tăng thu thuế TNCN cho NSNN:

Trong điều kiện hiện nay, việc thu thuế TNCN của CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư đang phụ thuộc rất nhiều vào nguồn thu từ chuyển nhượng đất, nguồn thu này không thể tăng lên và khó duy trì bền vững, nhưng Chi cục thuế vẫn chưa tìm ra được các nguồn thu mới để khai thác bền vững lâu dài.

- Hạn chế trong quản lý ĐTNT:

Thông tin về NNT thường không đầy đủ và chính xác, gây khó khăn trong việc theo dõi và giám sát nghĩa vụ thuế. Nhiều ĐTNT không thực hiện kê khai đúng hạn hoặc thiếu hồ sơ cần thiết, dẫn đến việc quản lý không hiệu quả. Hơn nữa, nhận thức của NNT về quyền lợi và nghĩa vụ thuế còn hạn chế, khiến họ không chấp hành đầy đủ quy định. Cuối cùng, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc chia sẻ thông tin và dữ liệu còn yếu, làm giảm khả năng kiểm soát và quản lý ĐTNT. Những hạn chế này cần được khắc phục để nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Hạn chế trong quản lý đăng ký MST, kê khai, nộp thuế:

Hiện nay, việc cấp MST cho từng cá nhân nộp thuế vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn đến nhiều DN và cá nhân tự do chưa có MST. Điều này gây khó khăn cho hoạt động quản lý thu nhập của những NNT. Nhiều người có thu nhập vượt mức khởi điểm tính thuế đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, nhưng vẫn không có MST, khiến CQT không thể xác định thông tin cụ thể về họ. Các đơn vị chi trả thu nhập chỉ báo cáo số thuế nộp mà họ biết, dẫn đến việc thông tin không đầy đủ. Sự thiếu sót trong việc đăng ký MST cá nhân phần lớn xuất phát từ ý thức của người dân và một phần là trách nhiệm của các cơ quan chi trả thu nhập.

Việc khai thuế do các đơn vị chi trả hoặc các cá nhân tự kê khai thực hiện, trong khi CQT chỉ có thể kiểm tra thông qua các chỉ tiêu trong tờ khai. Điều này khiến cho cơ quan thuế không thể kiểm soát tính chính xác trong việc kê khai thu nhập chịu thuế, giảm trừ gia cảnh và tính thuế.

Hệ quả là hoạt động quản lý thu nhập gặp nhiều bất cập, bởi CQT chủ yếu dựa vào kê khai từ các đơn vị chi trả hoặc các cá nhân nộp thuế. Nhiệm vụ của CQT chỉ dừng lại ở việc kiểm tra và tính toán số thuế dựa trên các tờ khai đã gửi. Quy trình quản

lý thuế thiếu sự liên kết hỗ trợ lẫn nhau, nên nếu một khâu trong quá trình quản lý không được thực hiện tốt, các khâu tiếp theo sẽ bị ảnh hưởng và giảm hiệu quả.

- Hạn chế trong quản lý quá trình quyết toán:

Quản lý quá trình quyết toán thuế còn tồn tại một số hạn chế đáng chú ý. Thứ nhất, nhiều NNT thiếu hiểu biết về quy trình quyết toán, dẫn đến việc kê khai không chính xác hoặc không đầy đủ thông tin. Thứ hai, thời gian quyết toán thường bị chậm trễ do việc thiếu hụt dữ liệu và tài liệu cần thiết từ phía NNT. Hơn nữa, CQT cũng gặp khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu thông tin giữa các hồ sơ, dẫn đến việc phát hiện sai sót chậm. Cuối cùng, việc thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan trong quá trình quyết toán có thể làm giảm tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động này. Những hạn chế này cần được giải quyết để cải thiện quy trình quyết toán thuế.

Thứ tư, hạn chế về kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế TNCN:

Công tác KTT tại khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư hiện nay chưa được triển khai một cách thường xuyên. Sự thiếu chú ý từ các cơ quan chức năng đã tạo điều kiện cho nhiều sai phạm phát sinh. Luật thuế còn nhiều bất cập và kẽ hở, khiến cho một số cá nhân, tổ chức lợi dụng để trốn thuế hoặc khai báo không trung thực. Năng lực của các cơ quan thuế, đặc biệt ở các địa phương, còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm phức tạp. Hơn nữa, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan vẫn còn lỏng lẻo, gây khó khăn trong việc truy tìm nguồn gốc thu nhập và tài sản của NNT. Hình thức xử phạt cũng chưa đủ nghiêm khắc, không đủ sức răn đe đối với những cá nhân có ý định vi phạm pháp luật thuế.

Đối với công tác KTT TNCN ở CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư, tình hình này càng trở nên rõ rệt. Việc không thực hiện thường xuyên công tác thanh tra và KTT khiến cho việc phát hiện các hành vi vi phạm của doanh nghiệp và tổ chức trở nên khó khăn hơn. Bên cạnh đó, kinh nghiệm của các phòng chức năng trong KTT ngày càng hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ thuế, tin học và kế toán, trong khi các hành vi vi phạm thuế lại ngày càng tinh vi hơn.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân thuộc về chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư

Một trong những nguyên nhân chính gây hạn chế trong công tác quản lý thuế tại CCT là thiếu nhân lực và đào tạo. Việc không đủ cán bộ có trình độ chuyên môn cao dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuế, làm giảm hiệu quả quản lý.

Bên cạnh đó, CNTT chưa hiện đại cũng là một yếu tố cản trở. Hệ thống lạc hậu hoặc chưa được cập nhật làm giảm khả năng xử lý dữ liệu và theo dõi ĐTNT, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý.

Thiếu thông tin và dữ liệu chính xác về NNT cũng góp phần làm cho việc lập kế hoạch và quản lý thuế trở nên khó khăn. Khi không có đủ thông tin, việc đánh giá và xác định nghĩa vụ thuế của các cá nhân sẽ gặp nhiều rào cản.

Ngoài ra, sự không đồng bộ trong chính sách và quy định thuế cũng tạo ra khó khăn cho CCT trong việc áp dụng và thực hiện. Những quy định chưa rõ ràng có thể dẫn đến việc thiếu sót trong công tác quản lý.

Cuối cùng, tâm lý e ngại của NNT đối với hệ thống thuế cũng ảnh hưởng lớn. Sự thiếu tin tưởng vào tính minh bạch và công bằng của hệ thống có thể khiến NNT không cung cấp thông tin đầy đủ, làm giảm hiệu quả trong việc thu nộp thuế.

2.3.3.2. Nguyên nhân thuộc về môi trường bên ngoài chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư, gồm:

Tại Việt Nam, đặc biệt là ở TP Thái Bình - Vũ Thư, việc thanh toán thuế TNCN chủ yếu diễn ra bằng tiền mặt. Điều này gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác minh thu nhập của người lao động, bởi khi thanh toán bằng tiền mặt, không có chứng từ rõ ràng để xác nhận. Nhiều người lao động có thu nhập không ổn định, khiến cho việc kiểm tra, thẩm định trở nên phức tạp hơn.

Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về thuế TNCN còn hạn chế. Nhiều người, kể cả cán bộ nhà nước, chưa hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, dẫn đến việc chấp hành luật thuế chưa cao. Có tình trạng trốn thuế và thiếu ý thức lên án các hành vi gian lận thuế. Ngay cả các đơn vị chi trả thu nhập cũng thường không thực hiện khấu trừ thuế vì lợi ích riêng.

Nhà nước cũng chưa chú trọng đúng mức vào việc tuyên truyền về thuế TNCN. Các chương trình giáo dục và cập nhật thông tin về thuế gần như không có, khiến cho người dân cảm thấy thuế TNCN là vấn đề xa lạ. Thêm vào đó, NNT thường không chủ động tìm hiểu về quy định thuế, không đăng ký chính xác thông tin liên lạc, gây khó khăn cho cơ quan thuế trong công tác hỗ trợ và đôn đốc.

Khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư còn gặp khó khăn về thu nhập, với nhiều DN, đặc biệt là DN nhỏ, chưa đủ trang bị công nghệ thông tin để thực hiện công tác kê khai thuế. Điều này làm gia tăng khối lượng công việc nhập liệu thủ công, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thu thuế.

Cuối cùng, mức khởi điểm tính thuế TNCN hiện hành chưa hợp lý. Theo quy định, mức khởi điểm chịu thuế là 11 triệu đồng/người lao động và mức giảm trừ gia cảnh là 4,4 triệu đồng/người phụ thuộc, đều quá thấp so với thực tế chi phí sinh hoạt. Mặc dù chỉ số lạm phát đã giảm, nhưng việc áp dụng mức khởi điểm cố định không linh hoạt với biến động kinh tế hiện tại có thể gây thiệt hại cho người lao động.

Để cải thiện quản lý thuế TNCN, cần tìm ra giải pháp hợp lý nhằm khắc phục những hạn chế đã nêu, từ đó nâng cao hiệu quả thu ngân sách và đảm bảo công bằng xã hội.

CHƯƠNG 3.
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP
CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - VŨ THUR
ĐẾN NĂM 2030

3.1. Các yêu cầu mới về quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030.

3.1.1. Các yêu cầu của Chính phủ

Ngày 23/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 508/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Triển khai Chiến lược, Tổng cục Thuế đã xây dựng và trình Bộ Tài chính ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 theo Quyết định số 2438/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2025 theo Quyết định số 2439/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp theo từng giai đoạn 05 năm và hàng năm nhằm cải cách toàn diện hoạt động quản lý thuế.

3.1.2. Các yêu cầu của Tổng cục thuế

Sau hơn 3 năm tổ chức triển khai Chiến lược, Kế hoạch chiến lược, ngày 31/7/2024 Tổng Cục thuế đã có văn bản số 3362/TCT-CC về việc công bố Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý thuế đến năm 2023 gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Báo cáo đánh giá thể hiện kết quả hoạt động quản lý thuế đến năm 2023 trong từng lĩnh vực trong mối tương quan so với mục tiêu Chiến lược, kết quả biểu thị đầy đủ theo biểu đồ và có so sánh với trung bình ngành của 63 Cục Thuế và theo phân loại quy mô của Cục Thuế. Báo cáo là cơ sở để xác định các điểm mạnh, điểm yếu của từng Cục Thuế, từ đó thiết lập các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động cho những năm tiếp theo.

Theo đó, hoạt động quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến 2030 cần tiếp tục phấn đấu để thực hiện thành công Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cụ thể là:

- Thực hiện triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền cho 100% đơn vị đủ điều kiện thực hiện.

- Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ đầy đủ dữ liệu điện tử của người dân và DN khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với cơ quan thuế trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành Thuế. Trong đó, trọng tâm là phối hợp với Tổng cục Thuế tổ chức rà soát, chuẩn hóa dữ liệu đăng ký thuế của cơ quan thuế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiến tới sử dụng số Căn cước công dân làm mã số thuế.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc ứng dụng công nghệ số để chia sẻ, trao đổi dữ liệu quản lý theo lộ trình của Tổng cục Thuế, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và DN.

- Tiếp tục hoàn thiện các kênh tương tác trực tuyến để người dân, DN tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành Thuế.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho công chức, người lao động, người dân, DN và xã hội về sự cần thiết của chuyển đổi số của ngành Thuế.

- Hoàn thành xây dựng và triển khai ứng dụng bản đồ số Hộ kinh doanh.

Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2023; nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2024 của CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, trong thời gian tới, của CCT tiếp tục bám sát các Chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Bình, Bộ tài chính, Tổng Cục thuế thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, trong đó tập trung một số nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, tổ chức, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động quản lý thuế TNCN năm 2024 theo chỉ đạo của Cục Thuế, UBND Thành phố và các huyện để phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu NSNN năm 2024.

Hai là, thúc đẩy hiện đại hoá hoạt động quản lý thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính thuế. Tiếp tục thực hiện tốt các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý thuế, quản lý nội bộ ngành.

Ba là, triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thuế; kiểm tra chống thất thu thuế, trốn thuế, nợ thuế; quản lý tốt các nguồn thu phát sinh trên địa bàn.

Bốn là, tổ chức, triển khai kịp thời các chính sách khoá của Chính phủ nhằm điều kích thích tiêu dùng, cũng như hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh.

Năm là, tăng cường tính nghiêm túc và kỷ luật trong công việc của cán bộ công chức, đồng thời khuyến khích họ có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, cần chú trọng vào các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiết kiệm tài nguyên và tránh lãng phí, cũng như quản lý tài sản và thiết bị một cách hiệu quả hơn.

Sáu là, đẩy mạnh tuyên truyền hỗ trợ NNT trong việc đăng ký, kê khai, nộp thuế điện tử; sử dụng, phát hành hóa đơn điện tử.

Bảy là, phối hợp thường xuyên với các các lĩnh vực, cơ sở, và đơn vị liên quan để thực hiện hiệu quả các nguồn thu trên địa bàn đặc biệt là đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện bộ máy thu thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

3.2.1.1. Các căn cứ đề xuất giải pháp hoàn thiện bộ máy thu thuế TNCN gồm:

Kết quả đánh giá các hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về chất lượng bộ máy thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023.

Định hướng nâng cao chất lượng bộ máy thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư đến năm 2030.

3.2.1.2. Nội dung giải pháp hoàn thiện bộ máy thu thuế TNCN gồm:

Giải pháp đầu tiên là tổ chức lại bộ máy quản lý thu thuế nhằm tối ưu hóa quy trình làm việc. Cần xác định rõ ràng chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận để đảm bảo hiệu quả trong công tác thu nộp thuế. Sự phân công rõ ràng sẽ giúp các CBT làm việc hiệu quả hơn, đồng thời giảm thiểu tình trạng chồng chéo trong nhiệm vụ.

Để nâng cao chất lượng quản lý thuế, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là rất quan trọng. Tăng cường chương trình đào tạo cho CBT về chính sách và quy trình quản lý thu thuế sẽ giúp họ nâng cao chuyên môn và kỹ năng. Điều này không chỉ giúp cán bộ tự tin hơn trong công việc mà còn góp phần nâng cao hiệu quả công tác thu nộp thuế.

Một trong những giải pháp then chốt là ứng dụng CNTT trong quản lý thu thuế. Triển khai phần mềm quản lý thuế hiện đại sẽ hỗ trợ trong việc giảm thiểu thủ tục hành chính, đồng thời nâng cao tính chính xác và nhanh chóng trong quá trình thu nộp thuế. CNTT sẽ giúp cải thiện khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ cho NNT.

Cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan thuế với các sở, ngành liên quan để cải thiện thông tin và quản lý thu thuế hiệu quả hơn. Sự phối hợp này sẽ giúp chia sẻ dữ liệu, thông tin và nguồn lực, từ đó nâng cao khả năng quản lý thuế trên địa bàn.

Cuối cùng, thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả công tác thu thuế là rất cần thiết. Qua đó, CQT có thể nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động của mình và điều chỉnh các phương pháp quản lý cho phù hợp. Việc này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả thu thuế mà còn đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong công tác quản lý NSNN.

3.2.1.3. Dự kiến những thay đổi sau khi áp dụng giải pháp hoàn thiện bộ máy thu thuế TNCN:

- Việc kiểm tra, khảo sát, đánh giá đội ngũ cán bộ công chức được tiến hành thường xuyên sẽ tạo làm cơ sở để xác định mục tiêu, nội dung, lộ trình xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thuế.

- Việc đánh giá kết quả công tác của từng cán bộ được thực hiện khoa học, có chế độ khen thưởng, xử phạt phân minh để khuyến khích cán bộ tự nâng cao trình độ và chấp hành các quy định trong hoạt động quản lý. Gắn chặt quyền lợi và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đó kích thích tinh thần phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các cán bộ vi phạm được thực hiện thường xuyên.

Cán bộ công chức sẽ được khuyến khích và tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất để theo học các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn nâng cao trình độ chuyên môn. Nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuế sẽ được cải cách phù hợp hơn với thực tiễn, thuận lợi cho cán bộ trong việc tiếp thu, vận dụng trong hoạt động quản lý thuế tại chi cục.

Cán bộ sẽ được bố trí làm việc tùy theo năng lực chuyên môn để phát huy tốt nhất thể mạnh của từng cán bộ, phân bổ lại nguồn lực tập trung vào các khâu công việc chính: thực hiện giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đội ngũ cán bộ thuế ở tất cả các khâu quản lý.

Cán bộ công chức sẽ được chăm lo đời sống về mọi mặt; phong trào thể dục thể thao; văn nghệ được xây dựng và duy trì tạo điều kiện cho cán bộ yên tâm công tác lâu dài và phát huy tốt năng lực của mình vào sự nghiệp phát triển của ngành.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân

3.2.2.1. Các căn cứ đề xuất giải pháp hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế TNCN:

Kết quả đánh giá các hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về chất lượng lập kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình tại CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư giai đoạn 2021-2023.

Định hướng nâng cao chất lượng lập kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình tại CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư đến năm 2030.

3.2.2.2. Nội dung giải pháp hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế TNCN gồm:

a) Tăng cường công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế TNCN

Tăng cường công tác tuyên truyền: Cần triển khai các hoạt động tuyên truyền đa dạng để nâng cao nhận thức về thuế TNCN. Thông qua hội thảo, buổi họp mặt và truyền thông đại chúng, NNT sẽ hiểu rõ hơn về nghĩa vụ và lợi ích của việc tuân thủ quy định thuế.

Hỗ trợ NNT: cơ quan thuế cần thiết lập các chương trình hỗ trợ cụ thể cho NNT. Việc tổ chức các buổi đào tạo và phát hành tài liệu hướng dẫn sẽ giúp NNT dễ dàng hơn trong quá trình kê khai và nộp thuế.

Xây dựng kênh thông tin trực tuyến: Phát triển nền tảng trực tuyến cho phép NNT truy cập thông tin và biểu mẫu một cách dễ dàng. Việc này sẽ tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan: Đây mạnh liên kết thông tin giữa các cơ quan nhà nước để quản lý thu nhập của NNT hiệu quả hơn. Sự phối hợp này giúp phát hiện sớm sai sót và đảm bảo tính minh bạch trong công tác thu thuế.

Những giải pháp này sẽ nâng cao hiệu quả kế hoạch thu thuế TNCN, khuyến khích NNT thực hiện nghĩa vụ một cách tự giác và đúng hạn.

b) Nâng cao quản lý thu nhập của các đối tượng nộp thuế TNCN

Để nâng cao quản lý thu nhập của các ĐTNT TNCN, cần triển khai các giải pháp đồng bộ và hiệu quả. Trước hết, cơ quan thuế nên cải thiện quy trình thu thập và phân tích thông tin về thu nhập của NNT. Việc kết nối dữ liệu giữa các cơ quan liên quan như Sở Y tế, Sở Giáo dục và các tổ chức khác sẽ giúp xác định chính xác nguồn thu nhập và các ĐTNT.

Ngoài ra, việc tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn NNT cũng rất quan trọng. Các hoạt động này không chỉ giúp nâng cao nhận thức của NNT về nghĩa vụ của mình mà còn tạo điều kiện thuận lợi để họ thực hiện nghĩa vụ một cách tự giác và đúng hạn. Sử dụng các kênh truyền thông đa dạng như hội thảo, mạng xã hội và thông báo trực tiếp sẽ là những cách hiệu quả để tiếp cận đến đối tượng này.

Cuối cùng, cơ quan thuế cần thiết lập cơ chế giám sát và kiểm tra thường xuyên hơn. Việc này sẽ giúp phát hiện kịp thời các sai sót và ngăn chặn hành vi trốn thuế, đồng thời tạo sự công bằng trong nghĩa vụ nộp thuế giữa các đối tượng. Qua đó, quản lý thu nhập của NNT TNCN sẽ trở nên minh bạch và hiệu quả hơn.

Tất cả thông tin về thu nhập của NNT và giảm trừ gia cảnh cần được lưu trữ đầy đủ trong hệ thống phần mềm qua các cuộc khảo sát và điều tra thường xuyên giữa các cơ quan liên quan. Điều này sẽ giúp đối chiếu và kiểm tra kê khai, phát hiện các trường hợp kê khai thiếu hoặc trùng lặp. Trong thời gian tới, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư cần cải thiện việc quản lý thu nhập của ĐTNT để thực hiện chính sách thu thuế TNCN một cách hiệu quả hơn.

3.2.2.3. Dự kiến những thay đổi sau khi áp dụng giải pháp hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế TNCN:

Triển khai nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN sẽ được thực hiện bằng các phương pháp điện tử theo đúng mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

NNT sẽ nắm được rõ cách thức nộp hồ sơ điện tử mà không phải đến tận trụ sở cơ quan thuế để nộp hồ sơ thuế TNCN như trước đây nữa, góp phần cải cách thủ tục hành chính, tăng hiệu quả công việc và giảm thời gian đi lại của NNT.

Công tác tuyên truyền sẽ được cải thiện đáng kể sau khi áp dụng giải pháp hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế TNCN. Các hoạt động tuyên truyền sẽ trở nên đa dạng và linh hoạt hơn, sử dụng nhiều kênh thông tin như hội thảo, buổi sinh hoạt cộng đồng và truyền thông qua mạng xã hội. Nội dung tuyên truyền sẽ tập trung vào việc nâng cao nhận thức của NNT về nghĩa vụ thuế, quy định pháp luật và quyền lợi khi thực hiện nghĩa vụ thuế. Đồng thời, cơ quan thuế sẽ kịp thời phản hồi thắc mắc và hỗ trợ NNT, tạo ra môi trường minh bạch và thân thiện hơn trong công tác thu thuế.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân

3.2.3.1. Các căn cứ đề xuất giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN:

Kết quả đánh giá các hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về chất lượng tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình tại CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư giai đoạn 2021-2023.

Định hướng nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình tại CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư đến năm 2030.

3.2.3.2. Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN gồm:

Cán bộ thuế cần phải đôn đốc các đơn vị chi trả thu nhập thực hiện nộp tờ khai thuế và nộp quyết toán đúng hạn, để tối ưu hóa công tác quản lý thu thuế TNCN, giảm

thiếu sai sót và tổn thất nguồn thu, đồng thời đảm bảo sự công bằng cho NNT. Nếu phát hiện vấn đề, cần tiến hành chỉnh sửa ngay lập tức.

Hàng tháng, cần kiểm tra và kịp thời phát hiện các trường hợp vi phạm cố tình, đồng thời thực hiện biện pháp điều chỉnh nghiêm khắc. Cán bộ thuế cũng nên theo dõi tình hình cấp giấy phép kinh doanh từ Sở Kế hoạch và Đầu tư để nắm bắt thông tin về các đơn vị đã đăng ký, thông báo kịp thời cho họ về việc đăng ký cấp mã số thuế.

Đội quản lý thu cần báo cáo đầy đủ về số lượng tổ chức trả lưo đã kê khai, những đơn vị đã ngừng hoạt động, hoặc đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh, cùng với các đơn vị đã chuyển địa bàn hoặc ngừng kinh doanh.

Để hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN, trước hết cần cải tiến quy trình thu thuế. Việc xây dựng quy trình minh bạch từ kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế sẽ giúp NNT dễ dàng thực hiện nghĩa vụ của mình. Đồng thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính sẽ giảm bớt gánh nặng và tạo thuận lợi cho NNT.

Ứng dụng CNTT trong quản lý thuế là một yếu tố quan trọng. Triển khai hệ thống phần mềm hiện đại sẽ giúp quản lý hồ sơ thuế hiệu quả và hỗ trợ NNT trong việc kê khai và nộp thuế trực tuyến. Điều này không chỉ đảm bảo tính chính xác mà còn giúp tiết kiệm thời gian cho cả cơ quan thuế và NNT.

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ thuế là một giải pháp thiết yếu. Nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ giúp họ nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết, từ đó thực hiện công tác thu thuế TNCN một cách hiệu quả hơn. Đội ngũ cán bộ đủ năng lực sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Tăng cường hoạt động tuyên truyền về chính sách thuế TNCN sẽ giúp NNT hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Cung cấp thông tin và hướng dẫn cụ thể sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Hơn nữa, khuyến khích NNT tự khai, tự nộp thuế cũng sẽ nâng cao ý thức tự giác trong việc thực hiện nghĩa vụ.

Cuối cùng, việc rút ngắn thời gian hoàn thuế là điều cần thiết để tạo niềm tin cho NNT. Đơn giản hóa quy trình hoàn thuế và đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ nhanh chóng sẽ giúp NNT không bị chậm trễ trong việc nhận lại tiền thuế. Những cải tiến này sẽ nâng cao hiệu quả thu ngân sách và tạo điều kiện thuận lợi cho NNT.

Theo dõi, phân tích đánh giá kết quả xử lý hồ sơ khai thuế gắn liền với hoàn thuế TNCN, thực hiện kiểm tra sau hoàn với tất cả các hồ sơ hoàn thuế TNCN đã thực hiện, nhằm tránh thất thu NSNN.

3.2.3.3. Dự kiến những thay đổi sau khi áp dụng giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN:

Dự kiến, sau khi áp dụng giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN, sẽ có nhiều thay đổi tích cực. Trước hết, hiệu quả thu ngân sách từ thuế TNCN sẽ được nâng cao nhờ cải tiến quy trình thu thuế. Thời gian xử lý hồ sơ cũng sẽ giảm đáng kể, giúp nhanh chóng và hiệu quả hơn trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục. Đồng thời, các biện pháp hỗ trợ và tuyên truyền sẽ nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của NNT, khuyến khích họ thực hiện nghĩa vụ thuế một cách tự giác. Ứng dụng CNTT sẽ tối ưu hóa quy trình làm việc, mang lại sự thuận tiện cho NNT. Chất lượng dịch vụ công cũng sẽ được cải thiện, với sự hỗ trợ và tư vấn tốt hơn từ cơ quan thuế. Hệ thống báo cáo và đánh giá sẽ giúp cơ quan thuế nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch một cách kịp thời và chính xác hơn, đồng thời tăng cường kiểm tra và giám sát sẽ giúp phát hiện và ngăn chặn các hành vi trốn thuế hiệu quả hơn. Những thay đổi này không chỉ mang lại lợi ích cho cơ quan thuế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn TP Thái Bình

3.2.4.1. Các căn cứ đề xuất giải pháp hoàn thiện kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN:

Kết quả đánh giá các hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về chất lượng kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình tại CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư giai đoạn 2021-2023.

Định hướng nâng cao chất lượng kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN trên địa bàn TP Thái Bình tại CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư đến năm 2030.

3.2.4.2. Nội dung giải pháp hoàn thiện kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN gồm:

CBT phải rõ ràng thông tin về ĐTNT: đảm bảo thông tin đầy đủ, kịp thời và đáng tin cậy từ nhiều nguồn như Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, cần nâng cao kỹ năng kiểm tra hồ sơ khai thuế bằng cách phân tích tờ khai và quyết toán ngay khi phát sinh để phát hiện sớm vi phạm. Cần phân loại và chọn lọc đối tượng kiểm tra, chú trọng các lĩnh vực có số lao động lớn hoặc biến động cao, tránh để doanh nghiệp lợi dụng tình trạng này nhằm trốn thuế TNCN.

Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng: Các phòng kiểm tra và thanh tra cần làm việc chặt chẽ với các cơ quan liên quan để phát hiện kịp thời hành vi gian lận thuế. Cần hợp tác với Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi tình hình các cơ sở kinh doanh và quản lý đất đai. Đồng thời, đơn giản hóa quy trình kiểm tra để nâng cao hiệu quả mà không ảnh hưởng đến hoạt động của ĐTNТ, đảm bảo tiến hành đúng thời gian và quy trình quy định.

Kiểm tra sau khi quyết toán thuế TNCN của các tổ chức phải được cụ thể không mang tính kết hợp kiểm tra cùng các cuộc kiểm tra thuế khác như thuế giá trị gia tăng hay thuế thu nhập doanh nghiệp. Kiểm tra sau hoàn thuế TNCN cần được tiến hành kiểm tra ngay, không để tồn tại những hồ sơ hoàn sai gây thất thu cho ngân sách. Vì vậy, CCT khu vực TP Thái Bình – Vũ Thư nên thường xuyên thành lập tổ phụ trách giám sát công tác kiểm tra về thuế TNCN.

3.2.4.3. Dự kiến những thay đổi sau khi áp dụng giải pháp hoàn thiện kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN:

Công tác kiểm tra và quản lý thuế đang được tăng cường nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận và trốn thuế. Mặt khác, quá trình này cũng giúp nhận diện những điểm còn bất cập để đề xuất các biện pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý thuế TNCN.

Giải quyết vi phạm sẽ được tiến hành chặt chẽ. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện các hành vi sai trái, cơ quan thuế sẽ yêu cầu NNT nộp phạt đúng hạn và thanh toán đầy đủ số thuế bị truy thu, dựa trên các bằng chứng rõ ràng. Nếu NNT có hành động chống đối, sẽ có sự can thiệp từ cơ quan công an. Điều này không chỉ nhằm răn đe NNT mà còn là điều kiện quan trọng để giảm thiểu các trường hợp vi phạm nghĩa vụ nộp thuế TNCN.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với Cục Thuế tỉnh Thái Bình

- Cục Thuế tỉnh Thái Bình cần tập trung hơn đến công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư.

- Để giảm bớt khó khăn cho người dân trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, Cục Thuế cần tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục kê khai thuế thu nhập cá nhân. Việc áp dụng các phương thức kê khai trực tuyến, đồng thời cung cấp hướng dẫn chi tiết, dễ hiểu, sẽ giúp người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ một cách nhanh chóng và chính

xác hơn. Đặc biệt, với sự phát triển của công nghệ, việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ kê khai thuế cần được mở rộng, giúp người dân tiết kiệm thời gian và tránh sai sót.

3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế

- Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế cần tăng cường đơn giản hóa thủ tục kê khai thuế thu nhập cá nhân, đặc biệt đối với các đối tượng có thu nhập từ lương, tiền công. Việc phát triển các công cụ kê khai trực tuyến để sử dụng sẽ giúp người nộp thuế tiết kiệm thời gian và giảm sai sót trong quá trình kê khai.

- Bộ Tài chính nên đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách thuế thu nhập cá nhân qua các kênh thông tin đại chúng. Cần cung cấp thông tin rõ ràng và dễ hiểu về các quy định thuế, giúp người dân hiểu đúng và đầy đủ nghĩa vụ thuế của mình.

- Tổng cục Thuế cần triển khai mạnh mẽ các hệ thống công nghệ thông tin, giúp người dân kê khai, nộp thuế nhanh chóng và thuận tiện hơn. Việc này cũng giúp cơ quan thuế nâng cao khả năng kiểm tra, giám sát và phát hiện các hành vi trốn thuế kịp thời.

3.3.3. Kiến nghị với người nộp thuế

- Cần khuyến khích người nộp thuế khai báo chính xác và đầy đủ các nguồn thu nhập. Tổng cục Thuế có thể triển khai các chương trình khuyến mại hoặc giảm nhẹ thủ tục đối với những người kê khai đúng và đầy đủ, qua đó tạo động lực để giảm thiểu tình trạng trốn thuế.

- Cần tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình thông qua các chương trình tuyên truyền và giáo dục thuế. Việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của thuế đối với sự phát triển chung sẽ giúp người dân chủ động hơn trong việc kê khai và nộp thuế đúng hạn.

KẾT LUẬN

Thuế TNCN ngày càng đóng góp to lớn vào nguồn thu NSNN. Bên cạnh đó, thuế TNCN còn tác động trực tiếp tới thu nhập, đời sống của tất cả những người nộp thuế, góp phần thực hiện công bằng xã hội. Vì vậy, quản lý thu thuế TNCN phù hợp với các quy định của pháp luật và đạt hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong những năm vừa qua, CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư rất quan tâm đến quản lý thu thuế TNCN, từ tổ chức hợp lý bộ máy, nâng cao chất lượng nhân lực, thực hiện nghiêm túc quy trình thu thuế, thanh tra kiểm tra... Nhờ đó, quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn về cơ bản đã đạt được những mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhiều vấn đề trong quản lý thu thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư vẫn cần được hoàn thiện. Đó là việc quản lý các ĐTNT, tuyên truyền pháp luật, hướng dẫn NNT thực hiện các nghĩa vụ của mình, tổ chức thu thuế, thanh tra kiểm tra...

Qua nghiên cứu đề tài “*Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, tỉnh Thái Bình*”, đề án đã thực hiện được các mục tiêu sau:

1. Hệ thống hóa một số cơ sở lý luận về thuế và quản lý thu thuế TNCN.
2. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư giai đoạn 2021-2023.
3. Trên cơ sở kết quả phân tích về lý luận, Đề án đã đánh giá thực trạng quản lý thu thuế TNCN ở thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, rút ra các kết quả, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế của quản lý thu thuế TNCN tại CCT khu vực Thái Bình-Vũ Thư, từ đó đã đề xuất các giải pháp khắc phục các hạn chế để hoàn thiện hoạt động quản lý thu thuế TNCN tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư trong thời gian đến năm 2030 gồm:
 - Hoàn thiện bộ máy thu thuế TNCN tại CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư.
 - Hoàn thiện lập kế hoạch thu thuế TNCN.
 - Hoàn thiện thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN.
 - Hoàn thiện kiểm tra, xử lý các sai sót trong thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN.

Qua đó đã kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền nhằm tăng cường hoạt động quản lý thu thuế thu nhập cá nhân ở thành phố Thái Bình. Các giải pháp đòi hỏi phải được

thực hiện một cách quyết liệt và đồng bộ. Với những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn, với khát vọng đóng góp vào sự phát triển của đất nước và địa phương, tác giả tin tưởng rằng, hoạt động quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư sẽ không ngừng được hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Mặc dù đã cố gắng rất nhiều, song đề án sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong quý Thầy, Cô trong Hội đồng chỉ dẫn để đề án hoàn thiện hơn nhằm áp dụng vào hoạt động quản lý thu thuế TNCN ở địa phương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2019), *Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2019 Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và chi cục thuế khu vực trực thuộc cục thuế tỉnh, thành phố.*
2. Bộ tài chính (2021), *Thông tư 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 Hướng dẫn thực hiện một số điều của luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123 /2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.*
3. C. Mác: Tư bản, quyền 1, tập 2, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
4. Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư (2021), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2021.*
5. Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư (2022), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2022.*
6. Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình- Vũ Thư (2023), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2023.*
7. Chính phủ (2020), *Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020, quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.*
8. Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2001), *Giáo trình khoa học quản lý Tập 1*, NXB khoa học và kỹ thuật.
9. Mác - Ăngghen toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 1993, tập 23.
10. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin.
11. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà và Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
12. Quốc hội (2019), *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019.*
13. Tổng cục Thuế (2014), *Giáo trình bồi dưỡng ngạch kiểm tra viên thuế*, NXB Tài chính, Hà Nội.
14. Tổng cục Thuế (2015), *Quyết định 745/QĐ-TCT ngày 20 tháng 04 năm 2015 về việc ban hành quy trình tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế.*

15. Tổng cục Thuế (2015), *Quyết định 745/QĐ-TCT ngày 20 tháng 04 năm 2015 về việc ban hành quy trình tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế.*
16. Tổng cục Thuế (2015), *Quyết định 879/QĐ-TCT ngày 15 tháng 05 năm 2015 về việc ban hành quy trình Quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế.*
17. Tổng cục thuế (2019), *Quyết định số 245/QĐ-TCT ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuế thuộc chi cục thuế.*
18. Tổng cục Thuế (2022), *Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20 tháng 07 năm 2022, về việc ban hành quy trình quản lý nợ.*
19. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

PHỤ LỤC 1

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

Phiếu số:.....

Để có cơ sở, số liệu phục vụ cho công tác phân tích, xử lý, đánh giá về công tác quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại CCT khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư và đồng thời nhằm mục tiêu hoàn thiện đề án thạc sĩ “Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Thái Bình tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư, tỉnh Thái Bình”. Mong anh/chị dành chút thời gian trả lời một vài câu hỏi dưới đây. Rất mong sự hợp tác của anh/chị để cho tôi có thể hoàn thành tốt đề tài của mình.

Những ý kiến của anh/chị có ý nghĩa rất quan trọng đối với nghiên cứu và tôi xin cam kết tất cả những thông tin thu được từ phiếu điều tra chỉ sử dụng làm cơ sở nghiên cứu cho đề án thạc sĩ của tôi.

I. Thông tin cá nhân

1. Giới tính

<input type="checkbox"/> Nam	<input type="checkbox"/> Nữ
------------------------------	-----------------------------

2. Trình độ học vấn

<input type="checkbox"/> Trung cấp	<input type="checkbox"/> Cao Đẳng
<input type="checkbox"/> Đại học	<input type="checkbox"/> Sau Đại học

3. Độ tuổi

<input type="checkbox"/> Từ 18 – 25	<input type="checkbox"/> Từ 26 – 35
<input type="checkbox"/> Từ 36 – 45	<input type="checkbox"/> Trên 45

II. Đánh giá về công tác quản lý thu thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục thuế khu vực thành phố Thái Bình - Vũ Thư

Vui lòng trả lời câu hỏi ở Bảng dưới đây bằng cách tích dấu (x) vào ô mà anh/chị cho là phù hợp nhất (thang điểm được cho từ 1 tới 3)

Tiêu chí	Nhanh chóng, hiệu quả	Bình thường	Chậm chạp, không hiệu quả
	1	2	3
Công tác cấp mã số thuế thu nhập cá nhân và mã số thuế người phụ thuộc			
Công tác hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật			
Công tác xử lý tờ khai và kê toán thuế thu nhập cá nhân			
Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế			
Công tác hoàn thuế thu nhập cá nhân			
Công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập cá nhân			

Xin chân thành cảm ơn các ý kiến đánh giá của anh/chị!

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA

Phiếu số:.....

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Họ và tên:	
2	Giới tính : <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	
3	Tuổi:	
4	Nghề nghiệp:	
5	Địa chỉ:	
6	Số điện thoại	
II. Thông tin về thuế thu nhập cá nhân		
1	Bạn có biết về nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
2	Bạn có nộp thuế thu nhập cá nhân không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
3	Nếu có, mức thu nhập hàng tháng của bạn	<input type="checkbox"/> Dưới 10 triệu
		<input type="checkbox"/> Từ 10 triệu đến 20 triệu
		<input type="checkbox"/> Từ 20 triệu đến 30 triệu
		<input type="checkbox"/> Trên 30 triệu
4	Bạn có biết cách tính thuế thu nhập cá nhân không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
III. Đánh giá về công tác quản lý thu thuế		
1	Mức độ minh bạch trong quản lý thuế	<input type="checkbox"/> Rất minh bạch
		<input type="checkbox"/> Minh bạch
		<input type="checkbox"/> Bình thường
		<input type="checkbox"/> Không minh bạch
		<input type="checkbox"/> Rất không minh bạch
2	Bạn có gặp khó khăn gì trong việc nộp thuế không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không

PHỤ LỤC 2

Mẫu câu hỏi phỏng vấn sâu

Để có sở sở hoàn thiện quản lý thu thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư, kính mong ông/ bà cung cấp thông tin bằng cách trả lời câu hỏi sau đây:

1. Xin bà hãy đánh giá về kiểm soát thu thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thái Bình – Vũ Thư giai đoạn 2021-2023?
 - Việc đánh giá thực hiện kế hoạch thu thuế tncn có được thực hiện nghiêm túc?
 - Thường xuyên, định kỳ đánh giá việc thực hiện kế hoạch thu thuế TNCN?